Thi Hoạ Danh Tác Sử



Tinhvân
TOGETHER WE SHINE
MỘT ẤN PHẨM CỦA
TINHVAN GROUP

PHẠM
THÚC
TRƯƠNG
LƯƠNG





PHẠM
THÚC
TRƯƠNG
LƯƠNG



Thi Hoạ Danh Tác Số

Tinhvân
TOGETHER WE SHINE

MỘT ẤN PHẨM CỦA
TINHVAN GROUP

Hội họa là thi ca được nhìn thấy
thi ca là hội họa được cảm nhận
— Leonardo da Vinci



Lời giới thiệu

Ý tưởng xuất bản cuốn sách này bắt đầu từ sự tĩnh tại. Tĩnh tại giữa dòng chảy gấp gáp của dữ liệu và thuật toán, nơi trí tuệ nhân tạo đã thừa năng lực mô phỏng và tạo sinh – từ âm nhạc, phim ảnh, tiểu thuyết, hội họa, cho tới thơ ca. Trong nhịp gấp gáp ấy, con người vẫn luôn cần một khoảng lặng tĩnh tại.

64 bức thi họa trong cuốn sách được sinh ra từ khoảng lặng ấy. Tác giả không phải là một bậc thầy thư pháp, cũng không là một họa sĩ chuyên nghiệp. Đó là Phạm Thúc Trương Lương – một chuyên gia công nghệ tài hoa, thành viên Hội đồng Quản trị và hiện là Tổng Giám đốc Tinhvan Software (TSO), đơn vị có quy mô nhất trong Tinhvan Group.

Trong suốt bốn năm qua, bắt đầu từ những ngày giãn cách xã hội do Covid-19, năm 2021, Trương Lương đã dồn trọn đam mê và sáng tạo để thực hiện hơn một trăm tác phẩm thư họa.

Những tưởng đó chỉ là một thú vui tao nhã nhất thời, nhưng không ngờ cái nghiệp "Thi họa số" này lại theo anh đến tận hôm nay. Nhiều buổi tối sau những ngày bộn bề, những khoảng rảnh xen giữa các chuyến công tác, Lương lại trở về với thơ, với chữ, với tranh – như một cách tự đối thoại và giữ gìn một miền tĩnh tại cho riêng mình.

Nhiều bài thơ được tuyển chọn trong cuốn sách này đã đi qua cả nghìn năm lịch sử. Chúng từng được viết dưới ánh đèn dầu leo lét, bên bến sông, trong thanh lâu, giữa chiến địa, hay trong tĩnh mịch sơn lâm. Những áng thi ca tuyệt phẩm ấy không cần phải "làm mới", chúng chỉ cần một không gian mới để tiếp tục hiện diện và lan tỏa – không gian của kỷ nguyên số.

Nói thì dễ, nhưng đó là một cuộc chuyển vị công phu và tinh tế. Ở đây, thi ca, thư pháp và hội họa được đặt vào nhịp thở của thời đại mà vẫn giữ được khí vận nguyên sơ. Những vầng trăng trong *Thủy điệu ca đầu*, bến sông lạnh trong *Phong kiều dạ bạc*, khí phách dồn nén của *Bạch Đằng giang phú*, nỗi cô độc trắng xóa trong *Giang tuyết*, hay men say hào sảng của *Thương tiến tửu*… tất cả được trình bày một cách chắt lọc, cùng những thủ bút tài hoa của các nhà thư pháp bậc thầy, cả cổ điển và đương đại, được số hóa và tái hiện bằng công nghệ số.

Tinh Vân ra mắt cuốn sách này với tư cách của người làm công nghệ, nhưng ý thức rất rõ giới hạn của công nghệ. Chúng tôi hằng ngày làm việc với dữ liệu, hệ thống, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa,… những thực thể vô hình nhưng đang vận hành cả thế giới. Tuy nhiên, càng làm nhiều về chuyển đổi số, chúng tôi càng hiểu rằng công nghệ chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó phục vụ con người, và con người chỉ thật sự trọn vẹn khi còn khả năng rung cảm trước cái đẹp.

64 bức tranh, 64 bài thơ, 64 bức thi họa dưới đây – bạn đọc có thể mở bất kỳ trang nào, dừng lại bao lâu tùy ý. Bởi đây không phải là một cuốn sách để đọc tuần tự, mà để ngắm, thưởng thức, và để suy tư.

Giữa thời đại của mạng xã hội, của Facebook, TikTok, nơi mọi thứ trôi qua hối hả như những vệt lướt ngón tay trên màn hình, có lẽ điều quý giá nhất chính là sự tĩnh tại. Cuốn sách này mang theo một mong ước thầm lặng: được ở lại bên bạn đọc trong những khoảnh khắc tĩnh tại hiếm hoi, giữa đời sống hiện đại đầy biến động.

Trân trọng dâng tặng!

Hoàng Tô
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tinhvan Group



Foreword

The idea of publishing this book began with a sense of stillness, stillness amid the accelerated flow of data and algorithms, where artificial intelligence has come to possess an abundance of capabilities for imitation and generation, from music, cinema, literature, and painting to poetry itself. In such relentless momentum, humanity continues to seek moments of quiet contemplation.

The sixty-four calligraphic paintings in this volume were born from that very stillness. The author is neither a master calligrapher nor a professional painter. Pham Thuc Truong Luong is a gifted technology expert, a member of the Board of Directors, and currently Chief Executive Officer of Tinhvan Software (TSO), the largest subsidiary within Tinhvan Group.

Over the past four years, beginning during the Covid-19 social distancing period in 2021, Truong Luong has devoted his passion and creativity to producing more than one hundred works of calligraphic painting. What began as a refined personal pastime gradually became a lasting vocation – one that has accompanied him to this day. Many evenings after demanding workdays, or in brief moments between business trips, he returns to poetry, calligraphy, and digital art – as a way of self-dialogue and of preserving a private realm of stillness.

Many of the poems selected for this book have traversed more than a thousand years of history. They were once written by the dim light of oil lamps, beside riverbanks, in towers and pavilions, amid battlefields, or in the profound silence of mountains and forests. These timeless masterpieces require no renewal; they merely need a new space in which to continue their presence and resonance – the space of the digital age.

This, however, is far from a simple undertaking. It is a meticulous and delicate transposition, in which poetry, calligraphy, and painting are brought into the rhythm of the present age while preserving their original spirit and vitality. The moonlit serenity of Prelude to Water Melody, the cold riverbank of Night Mooring at Maple Bridge, the restrained heroism of Ode to the Bach Dang River, the vast solitude of River Snow, or the exuberant intoxication of Bring in the Wine – all are presented with discernment, alongside the masterful handwriting of renowned calligraphers, both classical and contemporary, digitized and reimagined through modern technology.

Tinh Vân presents this book as a technology enterprise fully aware of the limits of technology itself. We work daily with data, systems, artificial intelligence, and automation – intangible forces that now shape the world. Yet the deeper we advance in digital transformation, the more clearly we understand that technology holds meaning only when it serves humanity, and that humanity is whole only when it retains the potentiality to be moved by beauty. With these sixty-four paintings and sixty-four poems, readers may open the book at any page and linger as long as they wish. This is not a book to be read sequentially, but one to be contemplated, appreciated, and reflected upon.

In an age of social media—of Facebook and TikTok—where everything rushes past like thumb swiping across a screen, perhaps the most precious thing is serenity. This book carries a quiet wish: to remain beside readers during those rare moments of stillness, within the ever-shifting currents of modern life.

With sincere respect, we present this book to our valued clients, trusted partners, and friends near and far.

Hoang To
Chairman of the Board
Tinhvan Group



序文

本書の出版構想は、「静寂」という感覚から始まりました。

ゆったりと流量を増し続けているデータとアルゴリズムの飛躍的な発展により、人工知能が音楽、映像、文学、絵画、さらには詩に至るまで、創作と生成の領域を広げ続ける時代。その目まぐるしい時代だからこそ、人は立ち止まり、静かに内面と向き合う時間を求めつづけています。

本書に収められた六十四点の詩画作品は、まさにその静寂の中から生まれました。作者は書の大家でも、職業画家でもありません。

ファム・トゥック・チュオン・ルオン——技術分野でその才能を生かし続ける、ティンヴァングループ最大の事業会社であるティンヴァンソフトウェア（TSO）の代表取締役CEO、ならびに取締役会メンバーその人です。

新型コロナによる社会的隔離の影響が色濃く残っていた2021年を起点とするこの四年間、彼は100点を超える詩画作品に静かにその情熱と創造性を積み重ねてきました。趣味から始まったこの創作活動は、やがて「デジタル詩画」というかたちで彼の内に根を下ろし、今もなお続いています。多忙な日々の合間、あるいは出張の途上で、詩に向き合い、筆を執り、画面に向かう時間は、彼にとって自己と対話し、「静寂」を保つための確かな拠り所となりました。

本書に選ばれた詩の多くは、千年を超える時を生き抜いてきました。油灯の薄明りの下、川辺や楼閣、戦場の真っただ中、あるいは山林の深い静寂の中で詠まれてきたものです。これらの詩は決して装いを変える必要などありません。ただ、デジタル時代において、将来にわたってなお息づくための、新たな「場」を必要としているのです。

しかしながらそれは単純な作業ではありません。詩、書、画を、その本来の精神性と生命力を保ちながら、それをデジタルの流れに移し替える、緻密で繊細な創作技術が求められます。『水調歌頭』に浮かぶ月、『楓橋夜泊』の凍えた川景、『白藤江賦』に宿る気概、『江雪』の白く澄んだ孤独、『将進酒』の豪放な陶酔感——それらは、古今の名だたる書家の筆致とともに、デジタル技術を媒介として静かに再構成されています。

ティンヴァンは、テクノロジー会社であると同時に、その技術の限界を深く自覚している企業として、本書を世に送り出します。データ、システム、人工知能、自動化と向き合う日々の中で、テクノロジーに関する理解が深まるにつれますます明確となったことがあります。技術は人に仕えるときにのみ意味を持ち、人は美に心を震わせる力を保つことで、はじめて人であり続けられるのだと。

64の詩、64の画。本書はどこから開いてもかまいません。順を追って読むための書ではなく、眺め、味わい、思索の余白に身を委ねるための一冊です。

FacebookやTikTokといったソーシャルメディアの時代、あらゆるものが画面上をかすめるように流れ去っていくこの時代において、最も貴重なものは「静寂」そのものなのかもしれません。絶えず変化し続ける現代社会の流れの中で、貴重な一瞬の「静寂」を読者にお届けできることを願ってやみません。

心からの敬意を込めて、大切なお客様、信頼できるパートナー、そして遠く離れたご友人の皆様に本書を贈ります。

ホアン・トー
取締役会会長
Tinhvan Group



Chia sẻ của tác giả

Chúng ta từng có một kho tàng thơ văn chữ Hán đồ sộ, trải dài từ thời Lý Trần cho tới hiện đại. Dù phần lớn đã thất truyền do thiên tai, địch họa hay do việc sưu tầm bảo quản không tốt nhưng những gì còn lại vẫn là di sản quý giá của nền văn học Việt Nam. Khi người Việt chuyển sang dùng chữ quốc ngữ, những tác phẩm mới bổ sung vào kho tàng này ít dần đã đành, việc tiếp cận và thưởng thức các tác phẩm cũ cũng trở nên khó khăn. Do phần đông không biết chữ Hán, thơ văn của tổ tiên bỗng thành "ngoại ngữ", phải dịch ra tiếng Việt hiện đại thì ta mới đọc và cảm thụ được. Sự đứt gãy này thực sự không nên. Nhưng ít nhiều thì chúng ta vẫn giữ gìn được thơ văn. Còn các tác phẩm hội họa hay thư pháp cổ đại thì gần như biến mất. Nó tạo thành một lỗ hổng văn hóa vô cùng lớn, dẫn tới những tranh luận không thể phân định về Việt phục hay giáp trụ qua các triều đại, hay sự thiếu vắng nét mặt "quy chuẩn" mang đặc trưng của mỗi danh nhân để khi xem một bức tranh hay một bức tượng, ta có thể nhận ra ông này là Lê Hoàn hay Lê Lợi. Sự đứt gãy này thực sự đáng tiếc. Là một người yêu lịch sử nước mình, hai đứt gãy này với tôi là một sự đau đáu vô thức.

Tôi từng nghĩ người Việt xưa không biết vẽ cho tới khi xem tác phẩm *Trúc Lâm đại sĩ xuất sơn đồ* (竹林大士出山圖), bức tranh thủy mặc kết hợp thư pháp đặc sắc có kích thước 316 × 28 cm, miêu tả cảnh Trúc Lâm đại sĩ (tức Trần Nhân Tông) từ động Vũ Lâm xuất du. Người ta cho rằng tác phẩm do một họa sĩ đời Trần vẽ và rất có thể quân Minh, khi xâm lược Đại Việt, đã lấy nó đi cùng với những văn vật khác. Bức họa không chỉ đẹp. Tác phẩm đơn lẻ đó đủ làm sáng tỏ một chương lịch sử: Vua quan thời Trần ăn mặc ra sao? Trần Nhân Tông và Trần Anh Tông râu tóc thế nào? Binh lính, dân thường đi giầy hay đi đất? Vũ khí, kiệu ngựa giống hay khác với Trung Hoa? Tranh cũng cho thấy vào thời kỳ đó các nhà sư từ Tây Trúc (Ấn Độ) đã du hành sang Đại Việt và ẩn tu cùng Trần Nhân Tông. Hóa ra tổ tiên ta biết vẽ và vẽ đẹp. Vì bị tước đoạt, tiêu hủy hoặc không giữ gìn nên mới chẳng còn dấu vết. Thư họa xưa, mất thì đã mất rồi. Tại sao lại không thử tạo ra thư họa nay, kết hợp giữa hội họa, thư pháp và các áng thơ văn theo cách của người xưa? Những bài thơ cổ, dưới hình thức tranh thư pháp, hẳn sẽ thú vị và dễ cảm thụ hơn so với đọc từ trang sách. Chúng không khắc phục, nhưng chí ít có thể bắc cây cầu nhận thức qua những đứt gãy.

Tôi tiếp xúc với thiết kế đồ họa từ khá sớm. Năm 1995, khi thiết kế website "Vietnam Information", trang web đầu tiên mang domain .vn, khó khăn nhất của tôi là tìm nguồn nội dung, đặc biệt là các file đồ họa. Thời buổi chưa kết nối Internet, máy ảnh số chưa ra đời và khái niệm "số hóa" cũng chưa hình thành, gần như chẳng có cách nào để có file ảnh hay đồ họa đúng ý mình. Để tạo nguồn ảnh về Việt Nam, tôi mua các bộ bưu thiếp danh lam thắng cảnh ở hiệu sách Quốc văn phố Tràng Tiền và tìm nơi có máy scanner, cũng là của hiếm lúc đó, nhờ quét giúp. Còn icon và ảnh đồ họa, tôi vẽ bằng Paint, tiện ích thiết kế sơ đẳng có sẵn trên hệ điều hành Windows 3.1. Những hình phức tạp, tôi phải chấm từng điểm ảnh (pixel) vì công cụ này rất thô sơ. Trong suốt quãng đời làm nghề lập trình, tôi luôn tự làm mọi việc cần tới thiết kế đồ họa. Đây là việc dễ dàng với tôi, nên có thể coi như điểm mạnh.

Tôi rất thích nghệ thuật thư pháp. Đầu những năm 2000, được bố tặng cho vài cuốn thư pháp nhập môn cụ mua bên Trung Quốc, tôi mày mò tập viết. Sau chừng hơn nửa năm lấm lem mực nho và tốn khá nhiều giấy xuyến, tôi hiểu rằng trở thành "thư pháp gia" có đẳng cấp cho chữ ở Văn Miếu ngày Tết đòi hỏi khổ luyện lâu dài, nên quyết định xếp bút nghiên. Tạm dừng ở mức biết thưởng thức đã. Kiến thức về lục thể thư pháp và con dấu tên là những gì còn lại của đam mê này.

Dài dòng một chút để dẫn dắt tại sao tôi lại sáng tác tranh thư pháp. Ý tưởng không tự nảy sinh. Khoảng tháng Tám năm 2021, anh Hoàng Tô gửi tôi một bài tứ tuyệt Hán tự và nhờ thiết kế thành thư pháp. Tôi dùng một dịch vụ online có nhiều font mô phỏng chữ viết tay để "thư pháp hóa" bài thơ, rồi đặt ảnh tạo ra lên một hình phong cảnh sơn thủy. Đó chính là bức tranh thư pháp số đầu tiên của tôi.

Phần còn lại chẳng có gì nhiều để kể. Tôi tiếp tục làm những bức khác. Các tác phẩm đều bắt nguồn từ một bài thơ hay, hình thành ý tưởng, thể hiện thành tranh còn bài thơ được viết dưới dạng thư pháp. Phương pháp luận dần tiến hóa và phong cách cá nhân cũng dần định hình. Nếu sắp xếp các tác phẩm theo trật tự thời gian, có thể nhận ra chúng đã biến đổi thế nào trong chặng đường hơn 4 năm. Từ font chữ chuyển thành thủ bút của các thư pháp gia danh tiếng, từ đồ họa điểm xuyết thành bức tranh đúng nghĩa, từ khuôn mẫu truyền thống tới tự do sáng tạo, từ minh họa cho thơ tới lồng ghép các thông điệp ẩn dụ.

Steve Jobs từng nói: "Chỉ khi nhìn lại, ta mới thấy các điểm trong cuộc đời mình được nối với nhau. Vì vậy, hãy tin rằng rồi mọi điều sẽ tự kết nối trong tương lai của bạn." Nếu không có sẵn sở thích lịch sử và sự quan tâm tới di sản văn hóa Việt Nam nói riêng và phương Đông nói chung, nếu năm 1995 không học thiết kế đồ họa rồi biến nó thành kỹ năng lâu dài, nếu năm 2000 không tập viết thư pháp để hiểu vẻ đẹp của chữ, thì chắc gì tôi đã tìm được cảm hứng và hình thành thú vui này. Tôi tin mình sẽ duy trì nó lâu dài.

Tôi rất hạnh phúc khi công ty Tinh Vân lựa chọn 64 tác phẩm để in tặng bạn bè và đối tác. Trong số này, những bức tranh gắn với các bài thơ nổi tiếng của thi nhân Việt Nam chiếm phần đáng kể. Dù hình ảnh trong tranh không nhất thiết phải chính xác với sự thật lịch sử, tôi mong mình đã có thể chuyển tải phần nào giá trị của kho tàng thơ ca chữ Hán của dân tộc theo một cách thú vị và hấp dẫn.

Mời cùng thưởng thức!



Mục lục

Khởi

Bạch Đằng giang phú
Bình Ngô đại cáo
Trúc thạch
Thanh ngọc án - Nguyên tịch
Dự chư tỳ tướng hịch văn
Thái liên tử

Hành

Thất bộ thi
Phùng nhập kinh sứ
Dạ chí lâm trung vô nhân gia kết lưu vi trú
Tàn tốt
Sa hành đoản ca
Vãn
Kim Lăng tửu tứ lưu biệt
Giang hành

Xung

Thủy điệu ca đầu
Thăng Long
Bạch mã
Cảm hoài
Xích Bích hoài cổ
Độ tang càn
Tạp thi kỳ nhất
Dịch thủy tống biệt
Trệ vũ
Liệp
Tống biệt
Viễn quy biệt thự
Ký mộng
Đối tuyết

Ngoại

Du Côn Sơn
Ngẫu thành
Dục Thúy sơn
Phong kiều dạ bạc
Thiên trường vãn vọng
Lâm Giang tiên
Chu trung tức sự
Tiểu vũ
Đại than dạ bạc
Giang Tuyết
Hệ mã từ
Thanh bình nhạc kỳ nhị
Hoàng Giang tức sự
Vọng nguyệt
Sơn cư tảo khởi
Lộc trại
Sậu vũ
Dạ tuyết
Ký toàn tiêu sơn trung đạo sĩ
Thủy thanh
Trại đầu xuân độ
Tảo mai
Sơ thu cảm hứng kỳ nhị

Thoát

Sơn phòn mạn hứng kỳ nhất
Kệ vân
Cáo tật thị chúng
Ngư ông
Ngụ hứng
Xuân cảnh
Lâu thượng ngẫu đắc kỳ nhất
Nguyệt
Phạm Lãi du Ngũ Hồ
Bạch lộ tư
Hữu không
Nguyệt hạ độc chước kỳ nhất
Thương tiến tửu

Hành trình nguyên tử của con người
Lời kết





起





Khởi Ý chí

Tuổi trẻ, lập thân, lý tưởng, hịch, cáo



白藤江賦

張漢超





Kích thước tranh: 106 x 68 cm
Thư pháp sử dụng hành thư, lấy bút pháp Triệu Mạnh Phủ làm nền chính.

Bach Ñang giang phu

Tröông Han Sieu

Dịch thơ

Khách có kẻ:
Giương buồm giong gió chơi vơi,
Lướt bể chơi trăng mải miết.
Sớm gõ thuyền chừ Nguyên Tương,
Chiều lần thăm chừ Vũ huyệt.
Cửu Giang, Ngũ Hồ,
Tam Ngô, Bách Việt.
Nơi có người đi,
Đâu mà chẳng biết.
Đầm Vân Mộng chứa vài trăm trong dạ cũng nhiều,
Mà tráng chí bốn phương vẫn còn tha thiết.
Bèn giữa dòng chừ buông chèo,
Học Tử Trường chừ thú tiêu dao.
Qua cửa Đại Than,
Ngược bến Đông Triều,
Đến sông Bạch Đằng,
Thuyền bơi một chiều.
Bát ngát sóng kình muôn dặm,
Thướt tha đuôi trĩ một màu.
Nước trời một sắc,
Phong cảnh ba thu.
Bờ lau san sát,
Bến lách đìu hiu
Sông chìm giáo gãy,
Gò đầy xương khô.
Buồn vì cảnh thảm,
Đứng lặng giờ lâu.

Bạch Đằng giang phú của Trương Hán Siêu là áng hùng văn bất hủ của Đại Việt. Với dung lượng lớn gồm 83 câu, 432 chữ, việc thể hiện tác phẩm này dưới hình thức thư pháp là một thử thách đặc biệt, đòi hỏi sự cân nhắc kỹ lưỡng giữa bố cục chữ và không gian hình ảnh, sao cho vừa tôn vinh sức nặng của văn tự, vừa giữ được sự khoáng đạt và hào sảng của cảnh quan.

Bức tranh sử dụng hành thư làm chủ đạo, lấy bút pháp Triệu Mạnh Phủ làm nền chính, kết hợp chọn lọc chữ của nhiều danh gia khác để tạo sự hài hòa và tự nhiên như một dòng viết tay liền mạch. Bố cục được gợi mở từ ý thơ “thủy thiên nhất sắc”, với phần chữ chia trên – dưới, phong cảnh sông nước trải rộng ở trung tâm, nhấn mạnh vẻ mênh mang, hùng vĩ của Bạch Đằng giang.

Không trực tiếp tái hiện chiến trận, tác phẩm để dấu tích lịch sử lùi ra ngoài khung hình, qua đó khẳng định tinh thần của bài phú: dòng sông muôn đời hiền hòa, còn lịch sử chỉ lưu danh những bậc anh hùng.







代天行化皇上若曰



蓋聞仁義之舉要在安民弔伐之師莫先去暴惟我大越之國實為文獻之邦山川之封域既殊南北之風俗亦異自趙丁李陳之肇造我國與漢唐宋元而各帝一方雖強弱時有不同而豪傑世未常乏故劉龔貪功以取敗而趙禊好大以促亡唆都既擒於鹹子關烏馬又殪於白藤海稽諸往古厥有明徵頃因胡政之煩苛至使人心之怨叛狂明伺隙因以毒我民惡黨懷奸竟以賣我國焮蒼生於虐焰陷赤子於禍坑欺天罔民詭計蓋千萬狀連兵結衅稔惡殆二十年敗義傷仁乾坤幾乎欲息重科厚斂山澤靡有孑遺開金場則冒嵐瘴而斧山淘沙採明珠則觸蛟龍而綆腰深海擾民設玄鹿之陷阱殄物織翠禽之網羅昆虫草木不得以遂其生鰥寡顛連俱不獲以安其所浚生靈之血以潤桀黠之吻牙極土木之功以崇公私之廨宇州里之征徭重困閭閻之杼柚皆空決東海之水不足以濯其污罄南山之竹不足以書其惡神民之所共憤天地之所不容

予奮跡藍山棲身荒野念世讎豈可共戴誓逆賊難與俱生痛心疾首者垂十餘年嘗膽臥薪者蓋非一日發憤忘食每研覃韜略之書即古驗今細推究興亡之理圖回之志寤寐不忘當義旗初起之時正賊勢方張之日奈以人才秋葉俊傑晨星奔走先後者既乏其人謀謨帷幄者又寡其助特以救民之念每鬱鬱而欲東待賢之車常汲汲以虛左然其得人之效茫若望洋由己之誠甚於拯溺憤兇徒之未滅念國步之邅迍靈山之食盡兼旬瑰縣之眾無一旅蓋天欲困我以降厥任故予益勵志以濟于難揭竿為旗氓隸之徒四集投醪饗士父子之兵一心以弱制彊或攻人之不備以寡敵眾常設伏以出奇

卒能以大義而勝凶殘以至仁而易彊暴蒲藤之霆驅電掣茶麟之竹破灰飛士氣以之益增軍聲以之大振陳智山壽聞風而褫魄李安方政假息以偷生乘勝長驅西京既為我有選兵進取東都盡復舊疆寧橋之血成川流腥萬里崒洞之屍積野遺臭千年陳洽賊之腹心既梟其首李亮賊之奸蠹又暴厥屍王通理亂而焚者益焚馬瑛救鬥而怒者益怒彼智窮而力盡束手待亡我謀伐而心攻不戰自屈謂彼必易心而改慮豈意復作孽以速辜執己見以嫁禍於他人貪一時之功以貽笑於天下遂靈宣德之狡童黷兵無厭仍命晟昇之懦將以油救焚丁未九月柳昇遂引兵循邱溫而進本年十月沐晟又分途自雲南之來予前既選兵塞險以摧其鋒予後再調兵截路以斷其食本月十八日柳昇為我軍所攻計墜於支稜之野本月二十日柳昇又為我軍所敗身死於馬鞍之山二十五日保定伯梁銘陷陣而喪軀二十八日尚書李慶計窮而刎首我遂迎刃而解彼自倒戈相攻繼而四面添兵以包圍期以十月中旬而殄滅爰選貔貅之士申命爪牙之臣飲象而河水乾磨刀而山石缺一鼓而鯨刳鱷斷再鼓而鳥散麋驚決潰蟻於崩堤振剛風於槁葉都督崔聚膝行而送款尚書黃福面縛以就擒僵屍塞諒江諒山之途戰血赤昌江平灘之水風雲為之變色日月慘以無光其雲南兵為我軍所扼於梨花自恫疑虛喝而先已破膽其沐晟眾聞昇軍所敗於芹站遂躪藉奔潰而僅得脫身冷溝之血杵漂江水為之嗚咽丹舍之屍山積野草為之殷紅兩路救兵既不旋踵而俱敗各城窮寇亦將解甲以出降賊首成擒彼既掉餓虎乞憐之尾神武不殺予亦體上帝好生之心參將方政內官馬騏先給艦五百餘艘既渡海而猶且魂飛魄散總兵王通參政馬瑛又給馬數千餘匹已還國而益自股栗心驚彼既畏死貪生而修好有誠予以全軍為上而欲民之得息非惟謀計之極其深遠蓋亦古今之所未見聞社稷以之奠安山川以之改觀乾坤既否而復泰日月既晦而復明于以開萬世太平之基于以雪天地無窮之恥是由天地祖宗之靈有以默相陰佑而致然也於戲一戎大定迄成無競之功四海永清誕布維新之誥播告遐邇咸使聞知

辛丑年十二月于河内

阮廌 平吳大誥

范叔张良作

阮廌為臣

黎利為君





平吳大告

阮廌





Kích thước tranh: 238 x 113 cm

Bình Ngô đại cáo

Nguyễn Trãi

Cái văn:

Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân,
Điếu phạt chi sư, mạc tiên khử bạo.
Duy, ngã Đại Việt chi quốc,
Thực vi văn hiến chi bang.
Sơn xuyên chi phong vực ký thù,
Nam bắc chi phong tục diệc dị.
Tự Triệu, Đinh, Lý, Trần chi triệu tạo ngã quốc,
Dữ Hán, Đường, Tống, Nguyên nhi các đế nhất phương.
Tuy cường nhược thì hữu bất đồng,
Nhi hào kiệt thế vị thường phạp...

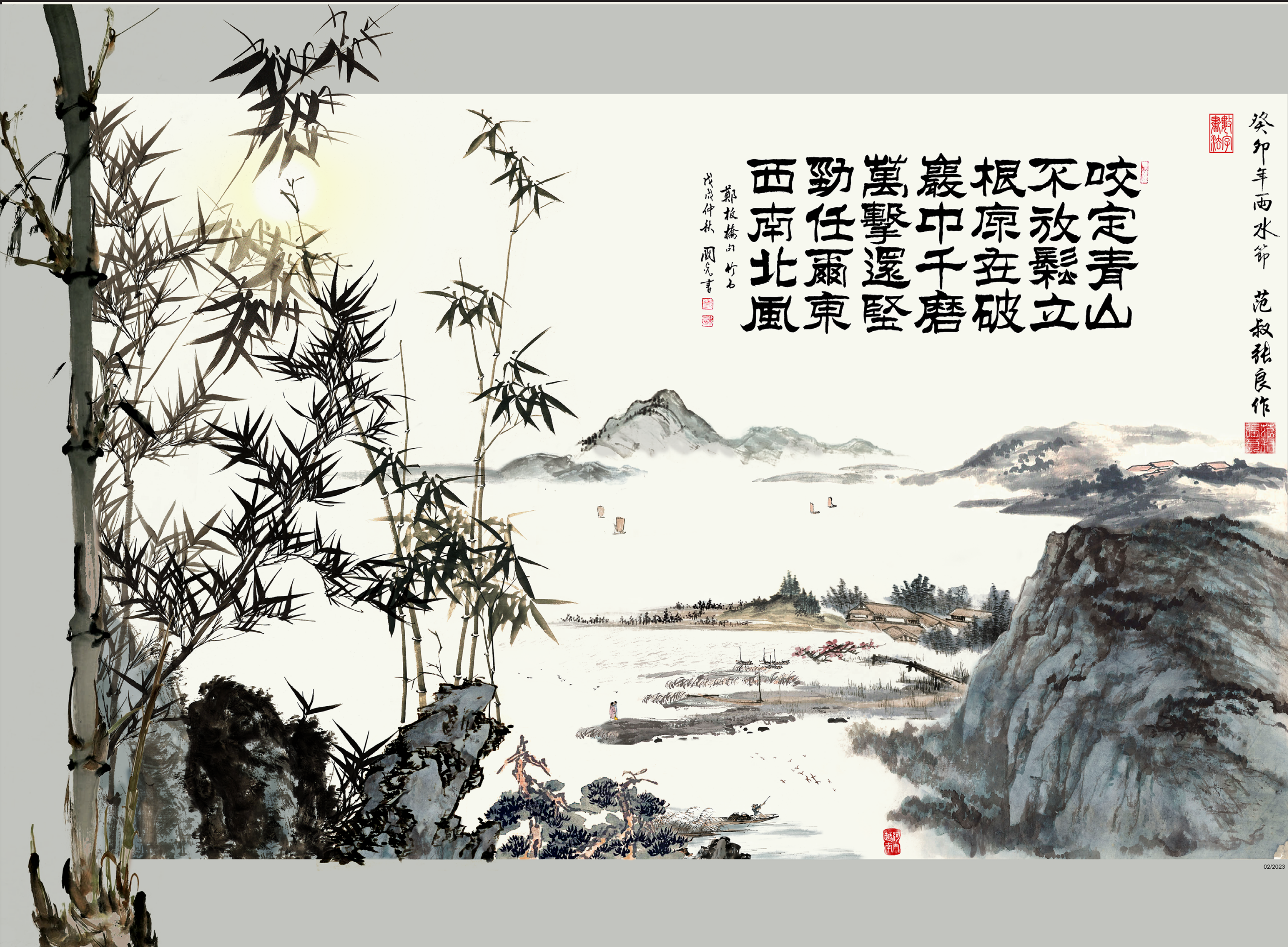
Dịch thơ (trích)

Từng nghe:
Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo;
Như nước Đại Việt ta từ trước,
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,
Núi sông bờ cỏi đã chia,
Phong tục Bắc Nam cũng khác;
Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên hùng cứ một phương;
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có

Bình Ngô đại cáo do Nguyễn Trãi soạn thảo mùa xuân năm 1428, theo lệnh Lê Lợi, là bản tuyên ngôn tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh và khẳng định nền độc lập của Đại Việt.
Khi thể hiện tác phẩm này dưới dạng tranh thư pháp, tác giả lấy cặp câu hiền hòa: Càn khôn ký bĩ nhi phục thái / Nhật nguyệt ký hối nhi phục minh làm chủ đề, như một tuyên ngôn về giá trị cốt lõi của chiến thắng: trả lại sự sáng trong và yên ổn cho đất trời và con người.

Phần chữ sử dụng hành thư, kết hợp bút tích của gần hai mươi thư pháp gia Trung Quốc, dung hòa giữa sự nghiêm cẩn của một bản đại cáo và tính phóng khoáng của nghệ thuật thư pháp.
Phần họa được xây dựng như một bức tranh toàn cảnh non sông nhìn từ trên cao, trải dài từ núi rừng, sông suối đến làng mạc, đồng ruộng và biển cả, tái hiện sinh hoạt đời thường của người Việt trong không khí thanh bình.
Toàn bộ tác phẩm hướng tới tinh thần của Bình Ngô đại cáo: chiến tranh đã lùi xa, điều còn lại và đáng gìn giữ nhất chính là hòa bình lâu dài cho muôn đời.





竹石

鄭燮





Kích thước tranh: 106x68cm
Thư pháp thể lệ thư của Vu Quốc Quang.

Trúc thạch

Trịnh Tiếp

Phiên âm:

Giảo định thanh sơn bất phóng tùng,
Lập căn nguyên tại phá nham trung.
Thiên ma vạn kích hoàn kiên kính,
Nhậm nhĩ đông tây nam bắc phong.

Dịch thơ:

Bám chặt non xanh chẳng chịu buông,
Bén rễ từ khe đá bên trong.
Ngàn rung vạn lắc càng thêm chắc,
Sá gì gió Nam Bắc Tây Đông.

Trịnh Bản Kiều (Trịnh Tiếp) là danh nhân sống vào thời Càn Long nhà Thanh. Ông có biệt danh "tam tuyệt" vì có cả tài vẽ, làm thơ và viết thư pháp. Ông vẽ trúc và đá rất đẹp, tạo nên phong cách riêng với thân trẻ mảnh mai, được nhiều người đời sau học theo.

Bức tranh thư pháp *Trúc Thạch* có sử dụng một tảng đá và khóm tre lấy từ các tác phẩm của Trịnh Bản Kiều, được tô màu cho hài hòa với tổng thể chung. Không khó để nhận ra cây tre, tảng đá nào là nét vẽ của ông.





青玉案 元夕

辛棄疾

Thanh ngọc án nguyên tịch

Tân Khí Tật

Phiên âm:

Đông phong dạ phóng hoa thiên thụ,
Cánh xuy lạc, tinh như vũ.
Bảo mã điêu xa hương mãn lộ.
Phụng tiêu thanh động,
Ngọc hồ quang chuyển,
Nhất dạ ngư long vũ.

Nga nhi tuyết liễu hoàng kim lũ,
Tiếu ngữ doanh doanh ám hương khứ.
Chúng lý tầm tha thiên bách độ,
Mạch nhiên hồi thủ,
Na nhân khước tại,
Đăng hỏa lan san xứ.

Dịch thơ:

Gió Xuân đêm thổi muôn cây lá,
Cánh hoa rụng, tựa sao sa.
Xe đẹp, ngựa hay, hương ngập lối,
Sáo vẳng ngân nga.
Trăng dời bóng đổi,
Rồng cá lượn đêm qua.

Lụa vàng, trâm ngọc, dáng tha thướt,
Râm ran cười nói hương la đà.
Tìm người giữa đám đông trăm lượt,
Chợt ngoảnh nhìn ra.
Nàng đứng ngay trước,
Nơi đèn đuốc nhạt nhòa.

Thanh ngọc án - Nguyên tịch là một trong những bài từ trữ tình nổi tiếng nhất của Tân Khí Tật, nhà thơ - anh hùng đời Nam Tống, người suốt đời ôm chí khôi phục giang sơn nhưng lại lận đận giữa thời cuộc chủ hòa của triều đình. Khác với nhiều tác phẩm hùng tráng của ông, bài từ này ghi lại một khoảnh khắc rất riêng: câu chuyện tình thoáng qua trong đêm rằm tháng Giêng rực rỡ ánh đèn và trăng sáng, được sáng tác khi tác giả còn rất trẻ.

Bức tranh thư pháp tái hiện không khí lễ hội đêm Nguyên tiêu với không gian tối - sáng đan xen, nơi ánh trăng và đèn lồng tạo nên những lớp sáng mờ ảo. Các nhân vật hiện ra lúc rõ lúc nhòe, hòa vào dòng người đông đúc, đúng với tinh thần bài từ: tìm kiếm giữa trăng ngàn bóng dáng và bất ngờ gặp được người tri kỷ nơi ánh đèn nhạt dần.
Cách xử lý ánh sáng không chỉ giải quyết thử thách của bối cảnh đem, mà còn trở thành ngôn ngữ tạo hình, làm nổi bật cảm xúc bâng khuâng, tinh tế và nhân văn của bài thơ, nơi chất anh hùng lắng lại để nhường chỗ cho một khoảnh khắc dịu dàng của đời sống con người.



Kích thước tranh: 106x68cm







諭諸裨將檄文

興道大王陳國峻

余常聞之紀信以身代死而脫高帝由于以背受戈而蔽招王豫讓吞炭而復主讎申蒯斷臂而赴國難敬德一小生也身翼太宗而得免世充之圍杲卿一遠臣也口罵祿山而不從逆賊之計自古忠臣義士以身死國何代無之設使數子區區為兒女子之態徒死牖下烏能名垂竹白與天地相為不朽哉

汝等世為將種不曉文義其聞其說疑信相半古先之事姑置勿論今余以宋韃之事言之王公堅何人也其裨將阮文立又何人也以釣魚鎖鎖斗大之城當蒙哥堂堂百萬之鋒使宋之生靈至今受賜骨待兀郎何人也其裨將赤脩思又何人也冒瘴厲於萬里之途獗南詔於數旬之頃使韃之君長至今留名

況余與汝等生於擾攘之秋長於艱難之勢竊見偽使往來道途旁午掉鴞鳥之寸舌而陵辱朝廷委犬羊之尺軀而倨傲宰輔托忽必列之令而索玉帛以事無已之誅求假雲南王之號而揪金銀以竭有限之儻庫譬猶以肉投餒虎寧能免遺後患也哉

余常臨餐忘食中夜撫枕涕泗交痍心腹如搗常以未能食肉寢皮絮肝飲血為恨也雖余之百身高於草野余之千屍裹於馬革亦願為之

汝等久居門下掌握兵權無衣者則衣之以衣無食者則食之以食官卑者則遷其爵祿薄者則給其俸水行給舟陸行給馬委之以兵則生死同其所為進之在寢則笑語同其所樂其視公堅之為偏裨兀郎之為副貳亦未下爾

汝等坐視主辱曾不為憂身當國恥曾不為愧為中國之將侍立夷酋而無忿心聽太常之樂宴饗偽使而無怒色或鬥雞以為樂或賭博以為娛或事田園以養其家或戀妻子以私於己修生產之業而忘軍國之務恣田獵之遊而怠攻守之習或甘美酒或嗜淫聲脫有蒙韃之寇來雄雞之距不足以穿虜甲賭博之術不足以施軍謀田園之富不足以贖千金之軀妻孥之累不足以充軍國之用生產之多不足以購虜首獵犬之力不足以驅賊眾美酒不足以沉虜軍淫聲不足以聾虜耳當此之時我家臣主就縛甚可痛哉不唯余之采邑被削而汝等之俸祿亦為他人之所有不唯余之家小被驅而汝等之妻孥亦為他人之所虜不唯余之祖宗社稷為他人之所踐侵而汝等之父母墳墓亦為他人之所發掘不唯余之今生受辱雖百世之下臭名難洗惡謚長存而汝等之家清亦不免名為敗將矣當此之時汝等雖欲肆其娛樂得乎

今余明告汝等當以措火積薪為危當以懲羹吹齏為戒訓練士卒習爾弓矢使人人逄蒙家家后羿購必烈之頭於闕下朽雲南之肉於槁街不唯余之采邑永為青氈而汝等亦皆受賞不唯余之家小安床褥而汝等亦得妻孥百年之佳老不唯余之宗廟萬世享祀而汝等之祖父亦春秋之血食不唯余之今生得志而汝等百世之下芳名不朽不唯余之美謚永垂而汝等之姓名亦遺芳於青史矣當此之時汝等雖欲不為娛樂得乎

今余歷選家兵法為一書名曰兵書要略汝等或能專習是書受余教誨是夙世之臣主也或暴棄是書違余教誨是夙世之仇讎也何則蒙韃乃不共戴天之讎汝等既恬然不以雪恥為念不以除凶為心而又不教士卒是倒戈迎降空拳受敵使平虜之後萬世遺羞尚有何面目立於天地覆載之間耶故欲汝等明知余心因筆以檄云

癸卯年立夏節 范叔張良作












諭諸裨將檄文

陳國峻





Hòch töôùng syõ

Traàn Quoác Tuaán

Phiên âm:

"... Dư thường lâm xan vong thực, trung dạ phủ chẩm, thế tứ giao di, tâm phúc như đảo. Thường dĩ vị năng thực nhục tẩm bì, nhứ can ẩm huyết vi hận dã. Tuy dư chi bách thân, cao ư thảo dã; dư chi thiên thi, khỏa ư mã cách, diệc nguyện vi chi..."

Dịch văn:

"... Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thây ta bọc trong da ngựa, cũng nguyện xin làm..."

Hịch tướng sĩ của Trần Hưng Đạo là áng văn chính luận lớn, kết tinh tư tưởng trung nghĩa, trách nhiệm cá nhân và vận mệnh quốc gia trong bối cảnh kháng chiến chống Nguyên Mông. Với dung lượng đồ sộ hơn một nghìn chữ, tác phẩm được thể hiện trong bức tranh thư pháp này bằng cách chia thành chín khổ, tương ứng với chín trường đoạn nội dung, mỗi khổ sử dụng một phong cách thư pháp khác nhau trong các thể hành, thảo, lệ và khải, nhằm phản ánh sự chuyển biến linh hoạt của giọng văn từ nghiêm khắc, hùng tráng đến chân tình, cảm xúc.

Phần chữ chiếm gần trọn không gian của bức tranh, được tuyển chọn và phối hợp từ bút tích của nhiều thư pháp gia, mỗi đoạn đều có nét đặc trưng riêng, kết hợp chữ của những người nổi bật nhất trong trường phái thư pháp của họ, tạo nên một tổng thể vừa thống nhất vừa giàu nhịp điệu. Phần hình họa được tiết chế tối đa, tập trung vào hai ý niệm cốt lõi của tác phẩm: chiến tranh và hòa bình.

Trần Hưng Đạo được khắc họa trong bức tranh chân dung vẽ vào thời nhà Nguyễn, mặc triều phục, điềm tĩnh và uy nghiêm, như hiện thân của trí tuệ và đạo lý dẫn dắt. Toàn bộ tác phẩm không chỉ tái hiện tinh thần của Hịch tướng sĩ mà còn chuyển hóa nó thành một suy ngẫm sâu xa: chiến tranh chỉ là phương tiện bất đắc dĩ, còn hòa bình và đời sống nhân dân mới là mục tiêu tối hậu mà mọi hy sinh đều hướng tới.





Kích thước tranh: 250 x 110 cm



採蓮子

皇甫松



Kích thước tranh: 131 x 85 cm
Chữ thư pháp thể hành thư của Mễ Phất.



Thai lien töi

Hoang Phu Tung

Phiên âm:

Thuyền động hồ quang diễm diễm thu,
Tham khan niên thiếu tín thuyền lưu.
Vô đoan cách thủy phao liên tử,
Dao bị nhân tri bán nhật tu.

Dịch thơ:

Thuyền động hồ thu chao sóng sánh,
Nhìn theo trai trẻ mặc thuyền trôi.
Bất chợt ném sang hạt sen nhỏ,
Người ta trông thấy thẹn mãi thôi.

Thái liên tử của Hoàng Phủ Tùng là một bài thơ ngắn nhưng kể được cả một câu chuyện trữ tình: màn giao tiếp kín đáo và đầy tâm tư giữa cặp trai gái miền sông nước Giang Nam trong khung cảnh hồ sen mùa thu.

Trong bức tranh thư pháp *Thái liên tử*, tác giả minh họa khoảnh khắc tương tác giữa hai nhân vật, nơi cô gái vừa e lệ theo khuôn phép truyền thống, vừa bạo dạn trong cảm xúc, tạo nên nét duyên ngầm rất riêng.
Hoàng Phủ Tùng chơi chữ khi dùng chữ "liên" (蓮) là hoa sen để ám chỉ chữ "liên" (憐), nghĩa là tình yêu. Cô gái ném qua thuyền chàng trai một nắm hạt sen, còn chàng trai, khi nhận ra điều này, đáp trả bằng cách ném lại phía cô gái một bông hoa sen.

Và giống như tinh thần của bài thơ, dù thuyền của hai người bơi ngược chiều, giữa họ có khoảng cách, cô gái cũng ngượng ngùng né ánh nhìn của chàng trai vì hành động bột phát của mình bị đối phương phát hiện, có những chi tiết ngầm truyền tải sự gắn kết đôi lứa của họ.





行





Hạnh Dấn thân

LÊN ĐƯỜNG, NHẬP THẾ, LY BIỆT, BIẾN ĐỘNG



七步詩
曹植





Kích thước tranh: 142 x 94 cm
Phần thư pháp sử dụng chữ thảo của Thái Trường An.

Thaát boä thi

Taøo Thöïc

Phiên âm:

Chử đậu trì tác canh,
Lộc thị dĩ vi trấp,
Ky tại phủ há nhiên.
Đậu tại phủ trung khấp,
Bản tự đồng căn sinh,
Tương tiễn hà thái cấp.

Dịch thơ:

Nấu đậu đốt cành đậu,
Đậu ở trong nồi khóc.
Cùng một gốc sinh ra,
Thiêu nhau sao quá gấp?

Thất bộ thi của Tào Thực là bài thơ nổi tiếng gắn liền với câu chuyện huynh đệ tương tàn trong gia tộc họ Tào thời Tam Quốc.

Xuất phát từ mâu thuẫn kế vị sau khi Tào Tháo qua đời, bài thơ về tình anh em ra đời trong khoảnh khắc sinh tử, khi Tào Thực bị anh ruột là Tào Phi ép ứng tác trong bảy bước chân để tự cứu mình. Chỉ với hình ảnh "đậu nấu bằng cành đậu", bài thơ đã chạm đến cốt lõi bi kịch của con người: cùng một gốc sinh ra mà lại tàn hại lẫn nhau, khiến Tào Phi mủi lòng và tha chết cho em.

Bức tranh thư pháp tái hiện chính khoảnh khắc quyết định ấy trong cung Ngụy vương. Tào Phi rời khỏi bệ vàng, ngồi bệt trên thềm, thanh gươm đã tuốt vứt xuống đất, biểu lộ cuộc đấu tranh giằng xé giữa vương quyền và tình thân. Biện phu nhân lao ra can ngăn trong đau đớn và bất lực, còn Tào Thực đứng đó đọc thơ trong tư thế bình thản, mong manh trước lằn ranh sống và chết.

Các chi tiết biểu tượng được đưa vào một cách tinh tế: bức tranh trâu chọi bên giếng nước tượng trưng cho cuộc chiến quyền lực không khoan nhượng, chùm vải bốn quả bên Tào Phi tượng trưng cho bốn anh em họ Tào và khát vọng đoàn tụ đã tan vỡ; quả táo trong tay Tào Thực gợi lại cái chết oan khuất của Tào Chương khi bị anh trai mình đầu độc...





逢入京使

岑參





Kích thước tranh: 135 x 100 cm

P hung nhap kinh sö

S am Tham

Phiên âm:

Cố viên đông vọng lộ man man,
Song tụ long chung lệ bất can.
Mã thượng tương phùng vô chỉ bút,
Bằng quân truyền ngữ báo bình an.

Dịch thơ:

Hướng đông vườn cũ khuất trùng xa,
Hai tay áo đẫm lệ nhạt nhoà.
Gặp nhau lưng ngựa không giấy bút,
Bình an anh báo giúp quê nhà.

Bài thơ *Phùng nhập kinh sứ* của Sầm Tham được sáng tác năm 749, khi ông rời Trường An một mình, lên đường tới Tây Vực mưu cầu công danh.

Trên hành trình dài cô độc qua thảo nguyên Tân Cương, giữa nỗi nhớ nhà khôn nguôi, Sầm Tham tình cờ gặp một người quen là sứ giả đang trên đường trở về kinh. Hai người chỉ kịp chào hỏi và chia tay vội vã, Sầm Tham nhờ gửi về gia đình lời nhắn duy nhất: bình an.

Bức tranh thư pháp khắc họa khoảnh khắc gặp gỡ ngắn ngủi ấy giữa không gian biên viễn hoang vu. Đoàn sứ giả đông người, đủ sắc tộc, đi về hướng Đông, trong khi Sầm Tham chỉ có một mình một ngựa, tiếp tục hành trình ngược chiều. Lời nhắn "bình an" vì thế không phản ánh thực cảnh, mà là sự che giấu hiểm nguy để người ở phương xa được yên lòng.

Tổng thể bức tranh nhấn mạnh nỗi cô độc, sự mong manh của con người nơi biên ải, và tinh thần lặng lẽ nâng đỡ Sầm Tham trên hành trình mưu cầu số phận của mình.





夜至林中無人家結寮爲住

阮光碧



Kích thước tranh: 130 x 100 cm

Thư pháp thể khải thư của Triệu Mạnh Phủ



Dạ chí lâm trung vô nhân gia kết liêu vi trú

Nguyễn Quang Bích

Phiên âm:

Phi tịch thâm lâm kết tiểu liêu,
Y nhai giá sạn phúc ba tiêu.
Vũ lai hữu hạnh vô đa thậm,
Hiểu lộ nhương nhương trích thụ tiêu.

Dịch thơ:

Phát dọn rừng sâu kết lều con,
Tựa núi gác sàn lợp chuối non.
Mưa tới may thay không nặng hạt,
Sương mai cây đọng nhỏ ton ton.

Bức tranh thư pháp tái hiện một khoảnh khắc thầm lặng mà kiên cường trong sự nghiệp kháng chiến chống Pháp của Nguyễn Quang Bích, nhà nho tiết tháo, thi sĩ, và thủ lĩnh nghĩa quân Cần Vương vào cuối thế kỷ 19. Trong giai đoạn này, lực lượng do ông lãnh đạo tác chiến lưu động tại Bắc Kỳ, chủ yếu ở khu vực rừng núi Tây Bắc.

Một buổi tối, trời vừa ngớt mưa, bóng đêm phủ dày. Giữa nơi núi sâu rừng thẳm, Nguyễn Quang Bích và những người đồng chí tạm dừng chân trú mưa và nghỉ lại qua đêm. Không có làng bản để tá túc, họ chặt tre dựng lều, lợp mái bằng lá chuối, nhóm lửa sưởi và hong khô quần áo, vũ khí.

Bức tranh là một cuộc chơi đầy tiết chế giữa bóng tối và ánh sáng. Không ánh sáng nào là toàn vẹn, không bóng tối nào là tuyệt đối. Những chi tiết chỉ lộ ra khi quan sát kỹ, giống như ý chí của con người âm thầm tỏa sáng giữa thiên nhiên khắc nghiệt.





殘卒

從善王





Kích thước tranh: 130 x 100 cm

Tan toát

Tung Thien Vöông

Phiên âm:

Loạn thi tùng lý bạt thân hoàn,
Nhất lĩnh đơn y chiến huyết ban.
Ỷ trượng độc cô sơn điếm tửu,
Tự ngôn sinh nhập Hải Vân quan.

Dịch thơ:

Xác chất ngổn ngang vượt thoát thân,
Máu nhuộm trận vương đẫm áo quần.
Chống gậy đầu non mình quán rượu,
Nhủ rằng sống giữ đồn Hải Vân.

Tàn tốt của Tùng Thiện Vương được đặt trong bối cảnh thất trận đầu tiên của triều Nguyễn trước liên quân Pháp-Tây Ban Nha tại Đà Nẵng năm 1858, mở đầu cho cuộc xâm lăng của thực dân Pháp. Một người lính trẻ vô danh sống sót, đang trên đường rút về phía Bắc, dừng chân nghỉ lại giữa vùng Sơn Trà rồi tìm về đồn Hải Vân Quan, cửa ải phòng ngự tiếp theo cho kinh thành Huế.

Bức tranh thư pháp khắc họa người lính trẻ đeo tấm thẻ bài viết tên Võ Văn Binh, một mình thẫn thờ uống rượu hoàn hồn. Mệt rũ, máu me, thương tích, người lính vừa vào sinh ra tử vẫn chỉ là chàng trai mới lớn, thắt lưng còn giắt chiếc ná bắn chim. Ở hậu cảnh, tàu chiến Pháp tiếp tục nã pháo vào đồn Hải Vân Quan, nhưng người lính không ngoái nhìn.

Bức tranh là khoảng lặng cá nhân giữa bi kịch lịch sử, tôn vinh tinh thần bất khuất của người lính Việt Nam. Thất bại thuộc về thời thế và tầng lớp cầm quyền, không phải sự hèn nhát của những con người đã trực tiếp cầm gươm giữ nước.





沙行短歌

高伯适





Kích thước tranh: 140 x 105 cm
Thư pháp thể hành thư của Triệu Mạnh Phủ.

Sa hanh ñoan ca

Cao Ba Quat

Phiên âm:

Trường sa phục trường sa,
Nhất bộ nhất hồi khước.
Nhật nhập hành vị dĩ,
Khách tử lệ giao lạc.
Quân bất học tiên gia mỹ thuỵ ông,
Đăng sơn thiệp thủy oán hà cùng.
Cổ lai danh lợi nhân,
Bôn tẩu lộ đồ trung.
Phong tiền tửu điếm hữu mỹ tửu,
Tỉnh giả thường thiểu, tuý giả đồng.
Trường sa, trường sa, nại cừ hà?
Thản lộ mang mang uý lộ đa.
Thính ngã nhất xướng cùng đồ ca.
Bắc sơn chi bắc, sơn vạn điệp,
Nam sơn chi nam, ba vạn cấp,
Quân hồ vi hồ sa thượng lập?

Dịch thơ:

Bãi cát dài lại bãi cát dài,
Đi một bước như lùi một bước.
Mặt trời đã lặn, chưa dừng được,
Lữ khách trên đường nước mắt rơi.
Không học được tiên ông phép ngủ,
Trèo non, lội suối, giận khôn vơi!
Xưa nay, phường danh lợi,
Tất tả trên đường đời.
Đầu gió hơi men thơm quán rượu,
Người say vô số, tỉnh bao người?
Bãi cát, bãi cát dài ơi!
Tính sao đây? Đường bằng mờ mịt,
Đường ghê sợ còn nhiều, đâu ít?
Hãy nghe ta hát khúc “đường cùng”,
Phía bắc núi Bắc, núi muôn trùng,
Phía nam núi Nam, sóng dào dạt.
Anh đứng làm chi trên bãi cát?

Bức tranh này được khởi dựng từ ý niệm về tính vô thường và vô ngã trong Phật học. Trên vùng sa mạc khô cằn, một đoàn người thuộc đủ sáu cõi – từ thiện đến ác, từ phàm đến thánh – cùng bước đi, tưởng như tự do, nhưng mỗi người đều mang theo dấu vết của nghiệp, của quá khứ và của khả năng biến đổi.
Ở tiền cảnh, chiếc sọ người nằm lặng lẽ trong cát, gắn với những vật dụng quen thuộc của người tu hành. Phía sau tất cả, tượng Phật hiện diện như một nghịch lý: dường như là điểm bất biến duy nhất, nhưng lại chỉ tồn tại dưới hình thức một pho tượng – vô ngã, không bóng, không bước đi.
Toàn bộ bức tranh là một sân khấu lớn của đời sống, nơi các vai diễn liên tục đổi thay. Trong thế giới ấy, chỉ có một điều chắc chắn: mọi thứ đều đang trôi, và chính trong sự trôi đi đó, khả năng tỉnh thức mới trở nên có ý nghĩa.



晚

胡志明





Kích thước tranh: 150 x 105 cm
Thư pháp thể hành thư của Khải Công đời nhà Thanh.

Vãn

Hồ Chí Minh

Phiên âm:

Vãn xan ngật liễu nhật tây trầm,
Xứ xứ sơn ca dữ nhạc âm.
U ám Tĩnh Tây cấm bế thất,
Hốt thành mỹ thuật tiểu hàn lâm.

Dịch thơ:

Cơm xong, bóng đã xuống trầm trầm,
Vang tiếng đàn ca, rộn tiếng ngâm;
Nhà ngục Tĩnh Tây mờ mịt tối,
Bỗng thành nhạc quán viện hàn lâm.

Bức tranh thư pháp Vãn được sáng tác dựa trên một bài thơ tiêu biểu trong Nhật ký trong tù, thể hiện rõ tinh thần lạc quan, hài hước và nhân văn của Hồ Chí Minh giữa cảnh lao tù khắc nghiệt. Sau bữa cơm chiều đạm bạc, trong không gian u ám của nhà ngục Tĩnh Tây, tiếng hát và tiếng nhạc bỗng vang lên, biến phòng giam thành một "tiểu Hàn Lâm viện" nghệ thuật – nơi con người tạm vượt lên hoàn cảnh để tìm thấy sự đồng điệu tinh thần.

Bức tranh khắc họa 11 tù nhân cùng hiện diện trong một phòng giam với xuất thân, tính cách và số phận khác nhau. Tất cả đều đi chân trần, không còn địa vị hay hào quang, chỉ còn lại bản thể con người trong thực tại mất tự do.

Ngồi giữa bạn tù nhưng vẫn tách biệt, nhân vật Hồ Chí Minh lặng lẽ quan sát và ghi chép vào cuốn sổ tay Ngục trung nhật ký. Dù song sắt vẫn còn đó, khoảnh khắc này cho thấy tự do tinh thần không thể bị giam cầm. Bằng nghệ thuật, tiếng cười và sự cảm thông giữa con người với con người, nhà ngục trong chốc lát đã hóa thành một không gian văn hóa, nơi ánh sáng nhân tính vượt qua bóng tối của hoàn cảnh.





金陵酒肆留别

李白





Kích thước tranh: 130 x 100 cm

Kim Lang töu tö löu biet

Ly Bach

Phiên âm:

Phong xuy liễu hoa mãn điếm hương,
Ngô cơ áp tửu hoán khách thường.
Kim Lăng tử đệ lai tương tống,
Dục hành bất hành, các tận trường.
Thỉnh quân thí vấn đông lưu thuỷ,
Biệt ý dữ chi thuỳ đoản trường?

Dịch thơ:

Gió lay hoa liễu hương thơm quán,
Gái Ngô chuốc rượu khách tỉnh say.
Kim Lăng chúng bạn cùng đưa tiễn,
Kẻ đi người ở cạn chén đầy.
Nhờ anh ướm hỏi dòng sông chảy,
Ngắn dài so nỗi biệt ly này?

Bức tranh lấy cảm hứng từ bài thơ *Kim Lăng tửu tứ lưu biệt* của Lý Bạch, sáng tác vào năm Khai Nguyên thứ 14 (726), trong dịp bạn bè tiễn ông rời Kim Lăng.

Không dừng ở việc minh họa nội dung bài thơ, tác phẩm mở rộng ý niệm “chia tay” thành nhiều tầng nghĩa: chia tay giữa bằng hữu, chia tay thầm lặng giữa Lý Bạch và người kỹ nữ tri kỷ, và cả điềm báo cho sự chia tay cuối cùng của thi nhân với cuộc đời. Các chi tiết biểu tượng được sắp đặt tinh tế: nhành liễu xuân, cây trâm cài đầu và viên ngọc như những tín vật ngầm trao nhau dưới gầm bàn, bức tượng người đàn ông say rượu trên thuyền và mặt trăng nơi đáy nước gợi cái kết định mệnh của Lý Bạch.





江行
阮瑩





Kích thước tranh: 125 x 95 cm
Thư pháp thể chữ thảo của Chúc Doãn Minh, thư pháp gia đời nhà Minh.

Giang hanh

Nguyen Söông

Phiên âm:

Ngạn chuyển, thụ tà xuất,
Khê thâm, hoa đảo khai.
Vãn hà, cô điểu một,
Hiểu vũ, phiến phàm lai.

Dịch thơ:

Bờ chuyển cây nghiêng hiện,
Suối sâu in sắc hoa.
Ráng chiều chim lẻ khuất,
Mưa sớm buồm lướt qua.

Bức tranh được xây dựng như một ẩn dụ thị giác về hành trình nhân sinh. Lấy cảm hứng từ cấu trúc bài thơ gồm một chuỗi khoảnh khắc trải dài mưa sớm tới ráng chiều, bức tranh mở ra dòng chảy liên tục của cuộc đời trên dòng sông thời gian.

Sự êm đềm cũng đi kèm bất trắc: đá ngầm, thân cây gãy lập lờ báo trước những trở ngại tiềm ẩn của số phận. Những cánh buồm ngược xuôi chỉ thoáng gặp rồi chia xa như sự giao thoa của các mảnh đời, cánh cò đơn độc bay lên mang khát vọng vượt thoát. Cao hơn nữa là hình ảnh hòn đảo bay mộng ảo treo giữa không trung, biểu tượng cho cái đẹp và lý tưởng vĩnh viễn chẳng thể vươn tới.

Thi nhân cứ thế xuôi dòng, đi qua những niềm vui, những cuộc chia ly, những trở ngại, những bạn đồng hành thoáng qua, và cả những giấc mộng vĩnh viễn ở bên kia tầm với của kiếp người





衝





X ung Bieán coá

CHIẾN TRANH, MẤT MÁT, CẢM HOÀI, CÔ ĐỘC, HOÀI CỔ

水調歌頭

蘇東坡





Kích thước tranh: 106x68cm
Thư pháp viết theo bút pháp của Hồ Duy Bình; ba chữ trong nhan đề: Thủy, Ca, Đầu là thủ bút của Tô Thức.



Thuỷ ñieu ca ñau

Tô Ñông Pha

Phiên âm:

Minh nguyệt kỷ thời hữu?
Bả tửu vấn thanh thiên.
Bất tri thiên thượng cung khuyết,
Kim tịch thị hà niên.
Ngã dục thừa phong quy khứ,
Hựu khủng quỳnh lâu ngọc vũ,
Cao xứ bất thắng hàn.
Khởi vũ lộng thanh ảnh,
Hà tự tại nhân gian.
Chuyển chu các,
Đê ỷ hộ,
Chiếu vô miên.
Bất ưng hữu hận,
Hà sự trường hướng biệt thời viên.
Nhân hữu bi, hoan, ly, hợp,
Nguyệt hữu âm, tình, viên, khuyết,
Thử sự cổ nan toàn.
Đãn nguyện nhân trường cửu,
Thiên lý cộng thiền quyên.

Dịch thơ:

Trăng sáng thủa nào vậy?
Nâng chén hỏi trời xanh
Chẳng hay cung khuyết trên cao
Đêm nay là năm nào?
Ta muốn cưỡi gió đi về
Lại sợ lầu quỳnh điện ngọc
Rét quá chịu làm sao
Múa may trăng theo dấu
Cõi đời sướng ôi chao
Rời gác tía
Ghé rèm che
Soi kẻ thức
Không ưng hay giận
Sao cứ tròn nhằm lúc xa nhau?
Người có buồn vui tan hợp
Trăng có tỏ mờ rằm khuyết
Xưa nay khó vẹn lâu
Những mong người bền mãi
Ngàn dặm cùng trăng thâu.

Thủy điệu ca đầu là bài từ nổi tiếng của Tô Thức (Tô Đông Pha), sáng tác vào đêm Trung thu năm 1076 khi ông làm quan ở Hàng Châu, trong nỗi nhớ người em trai tri kỷ Tô Triệt ở phương xa. Thuộc di sản của Tam Tô – những đại biểu kiệt xuất trong “Đường Tống bát đại gia” – tác phẩm này từ lâu được giới thư pháp đặc biệt yêu chuộng.

Trong bức tranh thư pháp này, phần nội dung bài từ được viết theo bút pháp của Hồ Duy Bình. Riêng bốn chữ nhan đề “Thủy điệu ca đầu” được tuyển chọn đặc biệt: các chữ Thủy, Ca, Đầu là thủ bút của chính Tô Thức – một đại thư pháp gia trong lịch sử Trung Hoa; chữ Điệu được lấy theo bút pháp của Sái Kinh, nhân vật cùng thời, nổi tiếng với phong cách thư pháp hoa mỹ, từng được văn học cổ ghi nhận.





昇龍

阮攸





Kích thước tranh:140 x 106 cm
Thư pháp hành thư: bài thứ nhất chủ yếu dùng bút pháp Hồ Vấn Toại, bài thứ hai dùng chữ Đổng Kỳ Xương.

Thăng Long

Nguyễn Du

Phiên âm:

Kỳ 1
Tản lĩnh Lô giang tuế tuế đồng,
Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long.
Thiên niên cự thất thành quan đạo,
Nhất phiến tân thành một cố cung.
Tương thức mỹ nhân khan bão tử,
Đồng du hiệp thiếu tẫn thành ông.
Quan tâm nhất dạ khổ vô thuỵ,
Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung.

Kỳ 2
Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành,
Do thị Thăng Long cựu đế kinh.
Cù hạng tứ khai mê cựu tích,
Quản huyền nhất biến tạp tân thanh.
Thiên niên phú quý cung tranh đoạt,
Tảo tuế thân bằng bán tử sinh.
Thế sự phù trầm hưu thán tức,
Tự gia đầu bạch diệc tinh tinh.

Dịch thơ:

Kỳ 1
Muôn năm núi Tản với sông Hồng,
Đầu bạc lại nhìn thấy Thăng Long.
Dinh lớn ngàn xưa giờ đường cái,
Một vòng thành mới xoá cố cung.
Mỹ nhân nay đã tay bồng trẻ,
Bạn thủa thiếu thời cũng thành ông.
Bận lòng đêm ngủ thao thức mãi,
Vẳng nghe tiếng sáo đượm ánh trăng.

Kỳ 2
Trăng muôn năm trước chiếu thành nay,
Là chốn Thăng Long cố đô này.
Ngã tư đường mở chôn dấu cũ,
Đàn ca âm sắc cũng đổi thay.
Ngàn năm phú quý mồi tranh đoạt,
Bằng hữu xưa còn mất nửa đây.
Chìm nổi sự đời đừng than nữa,
Ta bạc tóc rồi chứ có hay.

Phần hình họa của bức tranh được xây dựng như một sân khấu kịch mang tính ước lệ, nơi thời thế, ký ức và hiện tại cùng xuất hiện trong một không gian chồng lớp. Phố Ô Quan Chưởng ở hậu cảnh được giản lược như phông màn sân khấu, không nhằm tái hiện hiện thực chi tiết mà mở ra một khung cảnh biểu trưng cho kinh kỳ Thăng Long.

Tổng cộng 60 nhân vật xuất hiện trong tranh, tượng trưng cho một chu kỳ hoa giáp, hàm ý sự tuần hoàn không ngừng của thời gian. Các hình nhân được tuyển chọn và cắt ghép từ hơn năm mươi tranh khắc gỗ trong Technique du Peuple Annamite của Henri Oger, miêu tả sinh hoạt người An Nam cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Giữa không gian ấy, nàng Kiều – nhân vật thứ 61 – hiện lên như một ngoại lệ. Khác với tất cả các nhân vật khác, chỉ nàng có bóng đổ, như một dấu hiệu của sự hiện hữu thật sự, trong khi những hình nhân còn lại, dù sống động và tương tác, chỉ như những hình chiếu hư ảo trên sân khấu lịch sử. Từ đó, bức tranh gợi lên câu hỏi: liệu con người có phải là thực thể duy nhất có ý thức giữa một thế giới không ngừng biến hóa?





白馬

杜甫





Kích thước tranh: 101 x 76 cm

B aịch maị

Ñoi Phu

Phiên âm:

Bạch mã đông bắc lai,
Không yên quán song tiễn.
Khả liên mã thượng lang,
Ý khí kim thuỳ kiến.
Cận thì chủ tướng lục,
Trung dạ thương ư chiến.
Táng loạn tử đa môn,
Ô hô lệ như tản.

Dịch thơ:

Ngựa trắng Đông Bắc đến,
Yên không, trúng hai tên.
Thương cho chàng trên ngựa,
Còn ai thấy uy nghiêm.
Chủ tướng vừa bị giết,
Trong trận chiến ban đêm.
Thời loạn nhiều cửa tử,
Lệ như hạt tuyết vương.

Con ngựa bạch không có người cưỡi với hai mũi tên trên thân vẫn còn nhỏ máu. Dấu vết của người kỵ sĩ đã tử trận là túi đựng tên và những vệt máu vương lại trên yên cương và mình ngựa.

Ngựa bạch bị thương dừng lại giữa khung cảnh chiến địa tàn cuộc với khói lửa, xương cốt và những cánh quạ rợp bay. Đối lập với những chỉ dấu chết chóc của trận chiến vừa xảy ra trong đêm là sự thanh bình của buổi sớm mai đã ngự trị không gian với những bông bồ công anh tung bay và ánh mặt trời le lói.





9/2022

感懷

鄧容





Kích thước tranh: 100 x 67 cm
Phần thư pháp sử dụng hành thư của Triệu Mạnh Phủ.

Cam hoai

Ñang Dung

Phiên âm:

Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ điếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chúa hữu hoài phù địa trục,
Tẩy binh vô lộ vãn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỷ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

Dịch thơ:

Việc đời đằng đẵng chỉ ngại già,
Trời đất hòa vào rượu vui ca.
Kẻ mọn gặp thời thành công dễ,
Anh hùng lỡ bước hận nuốt khà.
Giúp chủ những mong nâng trục đất,
Tắm binh nào lối mở ngân hà.
Thù nước chưa xong đầu đã bạc,
Bao phen mài kiếm dưới trăng ngà.

Cảm hoài của Đặng Dung ra đời trong bối cảnh bi tráng của cuối thời Trần, khi đất nước rơi vào tay giặc Minh, như một lời tự sự cay đắng của người anh hùng lỡ vận, khát khao lập công lớn nhưng đành bất lực trước thời cuộc.

Bức tranh thư pháp khắc họa Đặng Dung trong đêm trăng tĩnh lặng, một mình suy tư giữa thiên nhiên mênh mông. Hình tượng vị tráng sĩ phong trần, bên thanh gươm và vò rượu, toát lên khí phách hào sảng nhưng cũng chất chứa nỗi cô đơn sâu kín. Không gian đêm được xử lý đơn sắc, tương phản với thế giới sinh linh xung quanh – cua, cá, chim chóc, hạc, đom đóm – mang màu sắc rực rỡ và kích thước phóng đại, tạo nên cảm giác như một cõi huyền ảo, nơi nội tâm và thế giới bên ngoài hòa quyện.

Ánh nhìn của Đặng Dung hướng lên chòm sao Vũ Tiên (Hercules) gợi liên tưởng đến khát vọng lập nên chiến công phi thường và nỗi day dứt của người anh hùng trước sự nghiệp dang dở...





赤壁懷古

蘇東坡

Kích thước tranh: 86 x 137 cm
Thư pháp sử dụng chủ yếu bút tích của Tô Đông Pha.



Xích Bích hoaøi coå

Toâ Ñoâng Pha

Phiên âm:

Đại giang đông khứ,
Lãng đào tận thiên cổ phong lưu nhân vật.
Cố luỹ tây biên,
Nhân đạo thị Tam Quốc Chu lang Xích Bích.
Loạn thạch băng vân,
Kinh đào phách ngạn,
Quyển khởi thiên đôi tuyết.
Giang sơn như hoạ,
Nhất thời đa thiểu hào kiệt.
Dao tưởng Công Cẩn đương niên,
Tiểu Kiều sơ giá liễu,
Hùng tư anh phát.
Vũ phiến luân cân,
Đàm tiếu gian,
Tường lỗ hôi phi yên diệt.
Cố quốc thần du,
Đa tình ưng tiếu ngã,
Tảo sinh hoa phát.
Nhân sinh như mộng,
Nhất tôn hoàn lỗi giang nguyệt.

Dịch thơ:

Sông lớn xuôi đông
Sóng quét sạch những người vang danh muôn thủa
Mé tây luỹ cũ
Chốn xưa Tam Quốc Xích Bích của Chu Lang
Đá nhọn chọc mây
Sóng gầm xô bãi
Ngàn bọt tuyết cuộn lên
Non sông như vẽ
Một thời biết bao hào kiệt
Tưởng như Công Cẩn năm nào
Sánh Tiểu Kiều duyên mới
Dáng oai, lời sắc
Khăn lượt, quạt lông
Lúc nói cười
Thuyền giặc tro bay khói tiệt
Nước cũ phiêu bồng
Cả cười ta đa cảm
Sớm bạc tóc mai
Đời như giấc mộng
Đổ một chén đãi sông trăng

Xích Bích hoài cổ được Tô Đông Pha sáng tác trong một đêm chu du trên thuyền vào năm 1082, bài thơ trở thành lời cảm khái sâu xa về dòng chảy thời gian, nơi anh hùng và chiến tích cuối cùng đều tan vào hư không.

Bức tranh thư pháp lồng ghép hai thời điểm cách nhau gần chín thế kỷ vào cùng một không gian: Tô Đông Pha đứng trên thuyền trong thực tại, chiêm ngưỡng vách núi đỏ sừng sững; còn trên đỉnh cao, Chu Du và Tiểu Kiều hiện ra trong hoài tưởng, giữa khói lửa của trận Xích Bích xưa. Sự phóng đại kích thước của các nhân vật lịch sử nhấn mạnh khoảng cách giữa ký ức huy hoàng và hiện thực nhỏ bé của con người trước thời gian. Thay cho cảnh đêm trăng trong bài thơ, bức tranh đặt chuyến du ngoạn dưới làn mưa nhẹ, triển khai vòng tuần hoàn của nước từ mây, mưa, suối, sông đến biển, cùng hình ảnh phượng hoàng tái sinh từ tro tàn của chiến thuyền quân Tào bị đốt cháy, như một cách chuyển hóa ý niệm thời gian tuyến tính thành sự tiếp nối và hồi sinh.



渡桑乾

賈島



Kích thước tranh: 114 x 72 cm
Thư pháp sử dụng thảo thư, với bút pháp của Từ Bá Thanh.



Ño Tang Can

Gia Ñao

Phiên âm:

Khách xá Tinh Châu dĩ thập sương,
Quy tâm nhật dạ ức Hàm Dương.
Vô đoan cánh độ Tang Càn thuỷ,
Khước vọng Tinh Châu thị cố hương.

Dịch thơ:

Ở trọ Tinh Châu trải mười sương,
Đêm ngày mong nhớ đất Hàm Dương.
Bỗng rồi rời bến Tang Càn thủy,
Ngoảnh lại Tinh Châu hóa cố hương.

Độ Tang Càn của Giả Đảo diễn tả một trạng thái nuối tiếc rất đặc biệt: nỗi buồn khi rời xa một nơi từng chỉ được xem là chốn tạm dung thân, để rồi đến lúc chia tay mới chợt nhận ra mình đã gắn bó với nó sâu sắc đến nhường nào.

Bức tranh thư pháp chuyển tải trọn vẹn cảm xúc ấy qua hình ảnh người lữ khách ngoảnh đầu nhìn về bờ bên kia từ bến sông bên này, trong khoảnh khắc chia ly lặng lẽ nhưng có thể sẽ là mãi mãi. Không gian mang sắc thái trầm lắng, gợi sự giằng xé nội tâm giữa nơi chốn luôn hướng về và mảnh đất vừa bỗng trở nên thân thuộc.

Khác với nỗi tiếc nhớ khi trở về nơi xưa không còn như trong ký ức, bài thơ ghi lại khoảnh khắc tâm lý đảo chiều, khi đất lạ bất ngờ hóa quê hương…

Phần chữ sử dụng thảo thư, với bút pháp của Từ Bá Thanh – kế thừa phong cách Chử Toại Lương – tạo nên nhịp điệu phóng túng mà day dứt, phù hợp với cảm xúc bất ngờ, bâng khuâng của bài thơ.



雜詩其一

阮攸





Kích thước tranh: 138 x 115 cm
Thư pháp sử dụng hành thảo, kết hợp bút tích của Vương Hy Chi và các danh gia khác.



Tạp thi kỳ nhất

Nguyễn Du

Phiên âm:

Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên,
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên.
Xuân lan thu cúc thành hư sự,
Hạ thử đông hàn đoạt thiếu niên.
Hoàng khuyển truy hoan Hồng Lĩnh hạ,
Bạch vân ngoạ bệnh Quế Giang biên.
Thôn cư bất yếm tần cô tửu,
Thượng hữu nang trung tam thập tiền.

Dịch thơ:

Bạc đầu tráng sĩ buồn trông trời,
Mưu sinh, chí lớn thảy chơi vơi.
Xuân lan thu cúc giờ chuyện hão,
Hè nóng đông hàn tuổi trẻ trôi.
Chó vàng Hồng Lĩnh tìm vui thú,
Mây trắng Quế Giang ốm tơi bời.
Ở quê hễ thích là mua rượu,
Tiền kia trong túi có ba mươi.

Tạp thi kỳ nhất được Nguyễn Du sáng tác trong giai đoạn ông rơi vào cảnh nghèo túng và mất phương hướng sau nhiều năm bôn ba giữa thời loạn cuối thế kỷ 18.

Xuất thân từ một xuất thân danh gia vọng tộc, sớm đỗ đạt và bước vào quan trường, Nguyễn Du bị cuốn theo những biến động lịch sử dữ dội, để rồi trở về quê cũ Tiên Điền trong cảnh trắng tay, mang theo nỗi buồn thời thế, tuổi trẻ trôi qua và chí lớn chưa thành. Bài thơ là lời tự sự chua xót nhưng tỉnh táo của một trí thức nhìn lại chính mình vào lúc bĩ cực nhất.

Bức tranh thư pháp tái hiện căn nhà tạm bợ nơi thôn dã của gia đình Nguyễn Du. Hình ảnh thi nhân tóc bạc sớm, ngồi trầm tư giữa bát thuốc và chén rượu, gợi sự suy nhược thể xác và bế tắc tinh thần.

Những chi tiết biểu tượng như con dấu Thanh Hiên, tờ giấy bị vo viên, hai đồng tiền nhà Tây Sơn và nhà Lê nằm cạnh nhau, thể hiện sự rối ren của thời cuộc và sự lạc lõng của con người giữa giao thời lịch sử. Dù vậy, Nguyễn Du vẫn miệt mài sáng tác, bản thảo Kim Vân Kiều tân truyện tiểu dẫn dưới chân ông hé lộ mầm mống của kiệt tác Truyện Kiều sau này.





易水送别

駱賓王



Kích thước tranh: 130 x 96 cm



Dòch thuûy toáng bieät

Laïc Taân Vöông

Phiên âm:

Thử địa biệt Yên Đan,
Tráng sĩ phát xung quan.
Tích thời nhân dĩ một,
Kim nhật thủy do hàn.

Dịch thơ:

Đất cũ biệt Yên Đan,
Tráng sĩ tóc dựng khăn.
Bóng người xưa mờ khuất,
Nước buốt vẫn chảy tràn.

Dịch thủy tống biệt của Lạc Tân Vương ghi lại khoảnh khắc tiễn biệt bên sông Dịch, nơi thi nhân liên tưởng tới câu chuyện bi hùng của Kinh Kha rời nước Yên sang nước Tần để hành thích Tần Thủy Hoàng gần chín thế kỷ trước.

Bức tranh thư pháp được xây dựng theo một trục thời gian đảo chiều, lấy thời điểm Kinh Kha bái biệt Thái Tử Đan làm hiện tại. Kinh Kha đứng trên gò đất cao, tay cầm kiếm và chủy thủ, nhìn xuống dòng sông lạnh; người bạn thân Cao Tiệm Ly gảy đàn tiễn biệt; Thái Tử Đan cùng quần thần mặc áo trắng đưa tiễn trong không khí tang thương. Con thuyền nhỏ của Tần Vũ Dương chờ sẵn bên bờ, mang theo chiếc hòm gỗ chứa thủ cấp Phàn Ô Kỳ – chỉ dấu báo trước số phận bi kịch của chuyến đi.

Trong làn nước sông Dịch của "tương lai", hình ảnh Lạc Tân Vương hiện lên như một ảo ảnh mơ hồ, được kết nối với quá khứ bằng âm thanh tiếng đàn và nhịp sóng lan tỏa.

Mượn lại hình ảnh "Dịch thủy hàn" và "tráng sĩ" từ khúc "Dịch thủy ca" trong *Sử ký*, bài thơ hòa cảm xúc hiện tại với ký ức lịch sử, nơi sự chia ly mang sắc thái đoạn tuyệt: ra đi không hẹn trở về.





滯雨
李商隱



Treä vuõ

Lyù Thöông Aån

Phiên âm:

Trệ vũ Trường An dạ,
Tàn đăng độc khách tâm.
Cố hương vân thủy địa,
Quy mộng bất nghi thu.

Dịch thơ:

Đêm Trường An rả rích,
Buồn lẻ bóng tù mù.
Quê xưa miền mây nước,
Mộng trở chẳng hợp thu.

Trệ vũ của Lý Thương Ẩn là bài thơ ngắn nhưng giàu cảm xúc, ghi lại tâm trạng cô quạnh của một lữ khách bị mưa thu giữ chân nơi Trường An.

Bài thơ phản chiếu trạng thái bất lực và buồn bã của nhà thơ trước hoàn cảnh không thể tự quyết. Trong đêm mưa triền miên, trước ngọn đèn leo lét, nỗi nhớ quê nhà miền mây nước trở nên da diết, còn giấc mộng hồi hương thì dường như "không hợp tiết thu".

Bức tranh thư pháp không minh họa trực tiếp khung cảnh trong phòng trọ, mà đưa không gian ra ngoài trời mưa đêm, nơi ánh chớp trở thành nguồn sáng chính. Trong khoảnh khắc lóe sáng ấy, cảnh vật tưởng như tĩnh lặng lại hiện ra đầy sinh khí: cành cây gãy, con chó hoang ướt sũng sủa rộ, đôi ngỗng trời di cư tìm chỗ trú dưới mái hiên – một con đã gục chết trên bậc thềm. Hình ảnh đôi ngỗng là ẩn dụ cho thân phận người lữ khách, khao khát trở về nhưng bị hoàn cảnh níu giữ, không thể tự quyết hành trình của mình.

Bức tranh mở rộng thêm nữa tinh thần bài thơ: nỗi cô độc của con người là có thật, nhưng thế giới không vì thế mà ngừng vận động, và chính trong những khoảnh khắc khắc nghiệt nhất, vẻ đẹp của đời sống lại hiện lên rõ ràng hơn bao giờ hết.



Kích thước tranh: 90 x 130 cm





Kích thước tranh: 95 x 135 cm



獵

阮攸



Liệp

Nguyễn Du

Phiên âm:

Y quan đạt giả chí thanh vân,
Ngô diệc lạc ngô my lộc quần.
Giải thích nhàn tình an tại hoạch,
Bính trừ dị loại bất phương nhân.
Xạ miên thiển thảo hương do thấp,
Khuyển độ trùng sơn phệ bất văn.
Phù thế vi hoan các hữu đạo,
Khu xa ủng cái thị hà nhân.

Dịch thơ:

Áo mũ người ta chí mây xanh,
Ta vui với lũ nai quẩn quanh.
Đi săn lòng nhẹ đâu ham bắt,
Giết vài thú lạ vẫn thiện lành.
Ngọn cỏ hươu nằm hương còn ngậm,
Núi sâu chó sủa tiếng mong manh.
Đời này muôn cách tìm vui thú,
Lọng đón xe đưa chẳng phải tranh.

Bài thơ *"Liệp"* của Nguyễn Du rút trong tập Thanh Hiên thi tập, được sáng tác trong giai đoạn ông sống ẩn dật ở quê nhà Tiên Điền bên dãy Hồng Lĩnh (1796-1802), khi thời cuộc rối ren và bản thân không còn mặn mà với con đường danh lợi.

Bức tranh thư pháp khắc họa Nguyễn Du trong trang phục thợ săn, mái tóc bạc sớm để xõa phòng khoáng, đầu trần chân đất, đứng ở vị trí trung tâm, nổi bật giữa cảnh núi rừng. Dù mang đầy đủ đồ nghề săn bắn, ông dường như không quan tâm đến chiến lợi phẩm. Những con thú nhỏ săn được dưới nằm chân không được thu nhặt, chiếc gùi sau lưng lại chứa các vật mang giá trị tinh thần như phong lan rừng, gỗ lũa và giấy bút.

Tổng thể bức tranh, cùng phần thư pháp hành thư, thể hiện rõ tâm thế ẩn dật, khoáng đạt và chí hướng sống thanh thản của Nguyễn Du trong những năm tháng "dưới chân núi Hồng".





送别

王维





Kích thước tranh: 130 x 100 cm

Toáng bieät

Vöông Duy

Phiên âm:

Há mã ẩm quân tửu,
Vấn quân hà sở chi?
Quân ngôn bất đắc ý:
Quy ngọa Nam sơn thuỳ.
Đãn khứ mạc phục vấn,
Bạch vân vô tận thì!

Dịch thơ:

Xuống ngựa xơi chén rượu,
Hỏi anh đi đường nào?
Anh rằng lòng không thoả,
Núi Nam về nằm cao.
Cứ đi không hỏi nữa,
Mây trắng mãi dạt dào.

Bài thơ *Tống biệt* của Vương Duy ghi lại một cuộc chia tay lặng lẽ giữa hai người bạn tri kỷ.

Bức tranh thư pháp tái hiện khoảnh khắc tiễn biệt ấy dưới ánh hoàng hôn cuối thu. Hai người bạn ngồi bệt bên vệ đường, dùng một phiến đá làm bàn, cùng chia chung một bầu rượu và chiếc chén đồng, bên cạnh là vài quả hồng chín – tất cả đều giản dị, không nghi lễ.

Người ở lại là Vương Duy, tư thế ngay ngắn, điềm đạm, bên cạnh những vật dụng tượng trưng cho đời sống quan trường và văn nhân; phía sau là cây tùng cổ thụ xanh bền bỉ. Người ra đi là Bùi Địch, dáng khom, ánh mắt phân vân, đứng giữa quyết tâm quy ẩn và những mối bận lòng chưa dứt.

Xa xa, núi Chung Nam hiện lên trong ánh chiều tà, vừa là điểm đến của người rời đi, vừa là giấc mơ ẩn cư còn ở phía chân trời của người ở lại. Toàn bộ bức tranh là một bản tiễn biệt không lời, nơi thiên nhiên, con người và cả những chi tiết nhỏ bé cùng hòa vào cảm thức vô thường và chia ly mà Vương Duy gửi gắm trong bài thơ.





遠歸別墅

李昌符





Kích thước tranh: 135 x 100 cm

Vieãn quy bieät thöï

Lyù Xöông Phuø

Phiên âm:

Mã tỉnh tằng hành xứ,
Liên tê độ vãn hà.
Hốt kinh hương thụ xuất,
Tiệm thức lộ nhân đa.
Tế kính xuyên hòa thử,
Đồi viên áp bệ la.
Sạ quy do tự khách,
Lân tẩu diệc tương qua.

Dịch thơ:

Ngựa đường xưa quen bước,
Chiều hí vọng sông xa.
Mừng thấy hàng cây cũ,
Dần đông khách lại qua.
Lối nhỏ xuyên ruộng lúa,
Tường nghiêng phủ rêu hoa.
Vừa về như khách lạ,
Lão bên ghé thăm ta.

Bài thơ *Viễn quy biệt thự* của Lý Xương Phù ghi lại khoảnh khắc trở về quê cũ sau nhiều năm phiêu bạt, đan xen giữa mừng vui và xót xa.

Bức tranh thư pháp được thiết kế trong không khí bi tráng hậu chiến. Dưới ánh hoàng hôn, Lý Xương Phù cưỡi ngựa vượt qua con suối – ranh giới thiêng liêng của quê nhà. Hai con chó làng chạy ra đón mừng, cây ngô đồng quen thuộc vẫn đứng đó như chứng nhân của thời gian, cho thấy quê hương vẫn còn nhận ra ông. Nhưng xung quanh là những tàn tích chiến tranh: kiếm gỉ, mũ giáp, mũi tên, nhà cháy, chữ "福" còn treo trên bức tường đổ nát – dấu vết mong manh của một đời sống bình yên đã qua.

Giữa hoang tàn, thiên nhiên âm thầm hồi sinh: ruộng lúa chín chưa gặt, chim sẻ ngậm hạt bay qua, dây leo phủ thân cây cháy, cá ếch bơi lội trong làn nước trong vắt, hoa dại nở khắp nơi. Trên cao, chim khách báo tin lành và đàn nhạn trời bay ngang bầu trời thu, nhắc rằng thời gian vẫn trôi, bốn mùa vẫn đổi...





記夢

阮攸





Kích thước tranh: 145 x 105 cm
Thư pháp thể khải thư của Lục Giản Chi và Sái Kinh.

Ky mong

Nguyen Du

Phiên âm:

Thệ thủy nhật dạ lưu,
Du tử hành vị quy.
Kinh niên bất tương kiến,
Hà dĩ uỷ tương ti (tư).
Mộng trung phân minh kiến,
Tầm ngã giang chi mi.
Nhan sắc thị trù tích,
Y sức đa sâm si.
Thủy ngôn khổ bệnh hoạn,
Kế ngôn cửu biệt ly.
Đới khấp bất chung ngữ,
Phảng phất như cách duy.
Bình sinh bất thức lộ,
Mộng hồn hoàn thị phi?
Điệp sơn đa hổ trĩ,
Lam thủy đa giao ly.
Đạo lộ hiểm thả ác,
Nhược chất tương hà y?
Mộng lai cô đăng thanh,
Mộng khứ hàn phong xuy.
Mỹ nhân bất tương kiến,
Nhu tình loạn như ty.
Không ốc lậu tà nguyệt,
Chiếu ngã đan thường y.

Dịch thơ:

Dòng nước ngày đêm chảy,
Người đi chẳng về đây
Bao năm rồi không gặp,
Lấy chi mà giãi bày?
Trong mơ hình bóng rõ,
Tìm ta bến sông này.
Nét xưa còn nguyên vẹn,
Áo quần xộc xệch thay.
Mới than cơn bạo bệnh,
Kể tiếp chuyện chia tay.
Lời chưa tròn, lệ chảy,
Rèm buông phủ mắt cay.
Lúc sống đường không tỏ,
Hồn sao tới chốn này?
Tam Điệp hùm dữ chực,
Sông Lam thuồng luồng vây.
Đường độc nguy hiểm lắm
Thân liễu cậy ai đây?
Mộng tới đèn còn rạng,
Mộng tàn gió thổi bay.
Người đẹp không thấy nữa
Tơ lòng rối như mây.
Nhà trống trăng nghiêng bóng,
Áo đơn chiếu lắt lay.

Bức tranh thư pháp *Ký mộng* được xây dựng từ một trong những bài thơ chữ Hán cảm động nhất của Nguyễn Du, sáng tác trong giai đoạn bi thương nhất của cuộc đời ông. Sau mười năm phiêu bạt gió bụi, trải qua thất bại, ly tán và liên tiếp mất mát người thân, Nguyễn Du trở về quê Tiên Điền trong nỗi đau âm thầm. Bài thơ ghi lại giấc mơ gặp lại người vợ đã khuất, vừa tha thiết, vừa tuyệt vọng, như một cuộc hội ngộ không bao giờ trọn vẹn. Bức tranh thể hiện một không gian hư – thực đan xen: đêm trăng rằm, căn phòng vắng, ngọn đèn leo lét, tấm rèm mỏng chia cắt hai cõi. Nguyễn Du choàng tỉnh giữa mộng, vươn tay về phía hình bóng người vợ hiện lên mờ ảo trong ánh trăng. Những kỷ vật nhỏ bé – lọn tóc, cây trâm – neo giữ ký ức, trong khi tro tàn và những trang giấy cháy lơ lửng là những vần thơ được hóa để gửi tình sang cõi khác.





對雪

杜甫



Ñoái tuyeát

Ñoã Phuû

Phiên âm:

Chiến khốc đa tân quỷ,
Sầu ngâm độc lão ông.
Loạn vân đê bạc mộ,
Cấp tuyết vũ hồi phong.
Biều khí tôn vô lục,
Lô tồn hỏa tự hồng.
Sổ châu tiêu tức đoạn,
Sầu toạ chính thư không.

Dịch thơ:

Khóc trận nhiều quỷ mới,
Buồn ngâm có mình ông.
Trời chiều mây bảng lảng,
Gió cuộn tuyết phiêu bồng.
Bầu rơi ly cũng cạn,
Lò vương chút lửa hồng.
Vài châu bặt tin tức,
Ngồi buồn viết lên không.

Giữa cánh đồng tuyết vô tận nơi trời và đất hòa làm một, Đỗ Phủ ngồi tĩnh tọa, mái tóc và vai áo phủ đầy tuyết rơi. Trang sách ông đọc chính là bài thơ Đối tuyết, lời than thở lặng lẽ của một thi nhân trước thời tao loạn.

Lũ quạ xuất hiện như ranh giới giữa hai cõi: một con bay qua khung cảnh, hai con khác đậu trên mép tranh, một con ngậm mẩu thịt đỏ trong mỏ. Chúng là những kẻ sống sót lạnh lùng của chiến tranh. Những thứ chúng ăn, thi nhân ghi nhớ. Những thứ chúng bỏ lại, ông lưu bằng thơ.

Không có đường chân trời, chỉ có tuyết trắng và ánh hoàng hôn lụi tàn hòa làm một. Trong thế giới tĩnh mịch ấy, Đỗ Phủ không chỉ thương xót mà còn làm chứng. Bức họa này không vẽ tuyết, mà vẽ ký ức, mất mát, và sức chống chọi bền bỉ của tinh thần con người trước sự lãng quên của lịch sử.



Kích thước tranh: 95 x 120 cm







Ngộ Tĩnh thức

Thiên nhiên, trăng tuyết, núi rừng, tĩnh tâm, chiêm nghiệm





遊崑山

阮飛卿



Kích thước tranh: 110 x 76 cm



Du Côn Sơn

Nguyễn Phi Khanh

Phiên âm:

Nhất cung sơn thượng trụ vân yên,
Hồi thủ trần ai lộ cách thiên.
Vũ hậu tuyền thanh lưu thốc thốc,
Thiên tình lam khí tịnh quyên quyên.
Bách niên phù thế nhân giai mộng,
Bán nhật thâu nhàn ngã diệc tiên.
Hứng khứ dục lai tăng viện túc,
Hôn chung thôi nguyệt quải phong tiền.

Dịch thơ:

Một gậy lên non chống khói mây,
Ngoảnh đầu bụi thế cách ngàn cây.
Mưa tan tiếng suối reo róc rách,
Trời quang hơi núi lặng tuôn dày.
Trăm năm đời thoảng như giấc mộng,
Nửa ngày nhàn tản hóa tiên bay.
Hứng tan lại đến chùa xin nghỉ,
Chuông chiều giục nguyệt móc đỉnh tây.

Bài thơ *Du Côn Sơn* của Nguyễn Phi Khanh là tiếng thở nhẹ nhõm của một tâm hồn từng trải, khi tìm thấy khoảnh khắc thanh tịnh hiếm hoi giữa cuộc đời phù du. Bức tranh thư pháp nắm bắt tinh thần ấy: một cuộc leo núi không chỉ bằng đôi chân mà bằng tâm thế, nơi núi non trở thành không gian của thiền vị, của sự tĩnh lặng để con người soi lại bản thân.

Cảnh quan mở ra bằng lớp mây mù bảng lảng ôm lấy dây Côn Sơn trùng điệp vừa hùng vĩ vừa huyền ảo. Mảnh trăng rằm dịu nhẹ treo trước đỉnh núi, in trên nền trời chiều sau mưa. Thinh không trong trẻo, hiền hòa, như lòng người được gột rửa. Đàn chim bay xuyên tầng mây như dòng thời gian lặng lẽ trôi, nhắc rằng kiếp người tuy ngắn ngủi, nhưng trong thời khắc dừng lại, ta vẫn có thể chạm vào một cõi an nhiên khác

Hình ảnh vị học giả dẫn theo đứa trẻ đứng lặng dưới bóng tùng cổ thụ mang hai tầng ý nghĩa. Đó là phút dừng chân chiêm ngưỡng phong cảnh, đồng thời cũng là khoảnh khắc truyền thừa giữa giữa người đi trước từng trải và người đi sau còn tinh khôi, như lời thơ rằng trăm năm đời người như giấc mộng, chỉ cần nửa ngày rời thế tục cũng đủ “hóa tiên”. Ngôi chùa ẩn hiện sau vách đá, tiếng chuông chiều như ngân vọng trong không gian tranh, gợi về một chốn trú ngụ tinh thần cho những tâm hồn mỏi mệt.

Vì vậy, bức tranh không chỉ minh họa cảnh đẹp Côn Sơn, mà còn là một triết luận thị giác về khả năng “trốn bụi hồng” dù chỉ trong chốc lát. Đó là giây phút con người lắng nghe tiếng suối chảy, tiếng chuông chùa, để nhận ra rằng thiên nhiên không chỉ là nơi để ngắm, mà còn để lắng đọng và trở về với chính mình.







偶成

朱熹



Kích thước tranh: 127 x 79 cm



Ngẫu thành

Chu Hy

Phiên âm:

Thiếu niên dị lão học nan thành,
Nhất thốn quang âm bất khả khinh.
Vị giác trì đường xuân thảo mộng,
Giai tiền ngô diệp dĩ thu thanh.

Dịch thơ:

Già đi thì dễ học khó thành,
Một chớp mắt thôi cũng chớ khinh.
Ao xuân cỏ mộng còn chưa tỉnh,
Thềm thu xào xạc lá rung rinh.

Ngẫu thành của Chu Hy, còn được gọi là Khuyến học thi, không khuyên dạy bằng những lời giáo huấn trực tiếp mà gợi mở một nhận thức sâu sắc: việc học thì khó, còn thời gian thì trôi rất nhanh, vì thế không thể xem nhẹ từng khoảnh khắc.

Bức tranh thư pháp được đặt trên nền tác phẩm Lone Scholar in the Autumn Woods (Lãng khách cô lão?) của Trương Đại Thiên, với hình ảnh người thư sinh cầm bầu rượu và cuộn giấy, lặng lẽ bước đi trong rừng thu như một ẩn dụ cho hành trình tự học và tự khám phá.

Phong cảnh trời nước và dòng chảy thời gian được lồng ghép để nhấn mạnh tiết thu và nhịp trôi vô tận, trong khi những chiếc lá ngô đồng nhiều sắc độ tượng trưng cho các chặng đời hữu hạn của con người. Hình ảnh con rùa bị lật ngửa ở trung tâm vòng xoáy thời gian khép lại tác phẩm bằng một suy tưởng lặng lẽ: minh triết và trường thọ, nếu không kịp nắm bắt thời gian, cũng có thể trở nên bất lực.





浴翠山



Kích thước tranh: 135 x 65 cm
Thư pháp sử dụng chữ thảo, với bút tích chủ yếu của
Chúc Doãn Minh và Mễ Phất.



Duïc Thuyù sôn

Tröông Haùn Sieâu

Phiên âm:

Sơn sắc thượng y y,
Du nhân hồ bất quy?
Trung lưu quang tháp ảnh,
Thượng giới khải nham phi.
Phù thế như kim biệt,
Nhàn danh ngộ tạc phi.
Ngũ hồ thiên địa khoát,
Hảo phỏng cựu ngư ky.

Dịch thơ:

Sắc núi còn như trước,
Người sao cứ rong chơi.
Ánh tháp in mặt nước,
Cửa hang mở lên trời.
Nay rời xa thế sự,
Nhàn ngộ trước sai rồi.
Nước non trời đất rộng,
Tìm tảng đá xưa ngồi.

Dục Thúy sơn của Trương Hán Siêu là một bài thơ ngắn mà hàm súc, vừa là lời vịnh cảnh vừa là sự tự vấn thầm lặng trước danh lợi, thường được xem như cái nhìn tổng kết cuộc đời của một danh sĩ lớn cuối đời Trần.

Bức tranh thư pháp được xây dựng với hai lớp không gian. Ở trung tâm là hình ảnh núi Dục Thúy sừng sững giữa ngã ba sông, được nhấn mạnh vẻ bề thế và chất đá vôi đặc trưng của non nước Ninh Bình, tương ứng với bốn câu đầu của bài thơ.

Bốn câu sau được minh họa bằng hình ảnh Trương Hán Siêu ngồi câu trên tảng đá năm xưa, trong trang phục đời Trần, lặng lẽ đối diện với núi Dục Thúy. Cụm hoa cúc phía sau tượng trưng cho giá trị tinh thần mà ông vun trồng lúc cuối đời; chiếc cần câu – biểu trưng cho lợi danh – đã bị bỏ lại, thay bằng hộp đốt trầm trong tay, gợi sự chuyển hóa sang đời sống nội tâm và suy tưởng.





楓橋夜泊
張繼



Kích thước tranh: 115 x 81 cm
Nguyên bản bức thư pháp bằng chữ thảo của Lý Hồng Chương.



P hong Kieu dai baic

Tröông Ke

Phiên âm:

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

Dịch thơ:

Trăng tàn tiếng quạ động màn sương,
Lửa chài lá đỏ buồn vấn vương.
Cô Tô thuyền đậu Hàn San tự,
Nửa đêm vọng lại những tiếng chuông.

Bài thơ giàu hình ảnh đẹp và trữ tình. Vì vậy, dù nó nhắc đến thời khắc nửa đêm nhưng tác giả chuyển bối cảnh của bức tranh thành tờ mờ sáng để có thể “nhìn thấy” những gì các câu thơ mô tả. Trăng tàn, quạ bay, màn sương mờ. Cây cầu, tường thành Cô Tô (Tô Châu), tháp chùa Hàn San, hai vị khách không ngủ ngồi đối ẩm trên thuyền. Cảnh sắc thuần tuý là tưởng tượng nhưng tòa tháp và cổng tam quan đúng là hình ảnh chùa Hàn San hiện nay.

Điểm nhấn về mầu sắc của bức tranh là “giang phong” (cây phong bên sông) và “ngư hoả” (ngọn lửa thuyền chài). Bài thơ được viết vào khoảng tháng 10 âm lịch, cuối mùa thu, khi lá cây phong đã chuyển mầu. Lá đỏ và ngọn lửa đỏ đối nhau trước mắt người khách buồn không ngủ là như vậy. Cây phong cũng là chi tiết quan trọng của khung cảnh. Vì sự hiện diện của nó mà cây cầu mang tên “Phong kiều”.

Phần chữ là nguyên bản bức thư pháp bằng chữ tháo của Lý Hồng Chương, vị đại thần cuối triều nhà Thanh.





11/2022

天長晚望

陳仁宗



Kích thước tranh: 114 x 72 cm
Thư pháp chữ thảo của Vương Sủng.



Thien Trööng vain voing

Train Nhain Toing

Phiên âm:

Thôn hậu, thôn tiền đạm tự yên,
Bán vô, bán hữu tịch dương biên.
Mục đồng địch lý quy ngưu tận,
Bạch lộ song song phi há điền.

Dịch thơ:

Thôn trước thôn sau nhạt khói sương,
Nửa không nửa có ánh tà dương.
Mục đồng sáo gọi trâu về hết,
Cò trắng từng đôi lượn xuống nương.

Tác giả chọn góc nhìn từ trên cao để thu vào toàn cảnh sông núi và xóm làng chìm trong sương khói hoàng hôn. Ánh nắng cuối ngày chiếu sáng nửa bức tranh, tạo sự phân chia rõ ràng về thị giác theo tinh thần của câu thơ: "Nửa không nửa có ánh tà dương".

Hai cánh cò chấp chới như đang vội bay sang phía còn chưa tắt nắng để tránh bóng tối nhập nhoạng dần buông xuống. Cánh diều bay cao và cặp trâu đằm mình ở bờ sông bên kia minh họa cho câu thơ "Mục đồng sáo gọi trâu về hết". Tàn buổi chân trâu thì trẻ đi đằng trẻ, trâu đi đằng trâu.

Thư pháp chữ thảo của Vương Sủng (1494-1533). Ông là nhà thơ, họa sĩ, thư pháp gia đời nhà Minh, nổi tiếng với lối viết thảo thư tinh xảo.





臨江仙

楊慎



Kích thước tranh: 148 x 89cm



Laâm giang tieân

Döông Thaän

Phiên âm:

Cổn cổn Trường Giang đông thệ thủy,
Lãng hoa đào tận anh hùng.
Thị phi thành bại chuyển đầu không.
Thanh sơn y cựu tại,
Kỷ độ tịch dương hồng.

Bạch phát ngư tiều giang chử thượng,
Quán khan thu nguyệt xuân phong.
Nhất hồ trọc tửu hỉ tương phùng.
Cổ kim đa thiểu sự,
Đô phó tiếu đàm trung.

Dịch thơ:

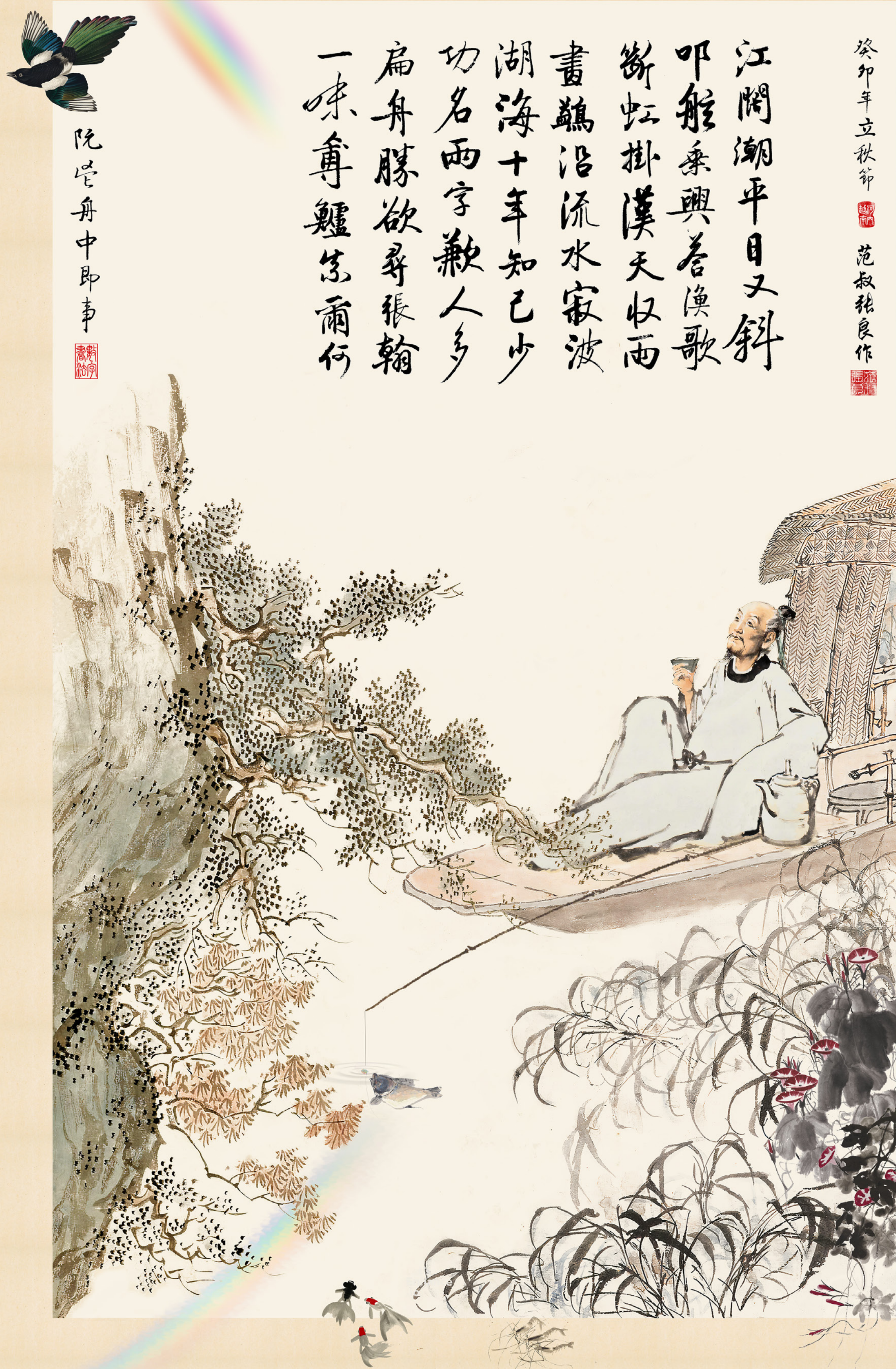
Trường Giang cuồn cuộn chảy về đông
Sóng vùi dập hết anh hùng
Được, thua, thành, bại, thoắt thành không
Non xanh nguyên vẻ cũ
Mấy độ bóng tà hồng.

Bạn đầu bạc ngư tiều trên bãi
Đã quen nhìn thu nguyệt xuân phong
Một bầu rượu vui vẻ tương phùng
Xưa nay bao nhiêu việc
Phó mặc nói cười suông.

"Lâm Giang Tiên" của Dương Thận là khúc từ mở đầu Tam Quốc diễn nghĩa, gói trọn tinh thần hoài cổ và cái nhìn siêu thoát trước thăng trầm lịch sử. Qua hình ảnh dòng Trường Giang cuồn cuộn chảy về đông, bài thơ khẳng định sự vô thường của công danh, được – thua, anh hùng hay bại tướng, tất cả rồi cũng tan biến theo thời gian, chỉ có non xanh và vũ trụ là trường tồn.

Bức tranh thư pháp được xây dựng xoay quanh ý niệm ấy. Dòng sông mênh mang tượng trưng cho dòng chảy bất tận của thời gian; mặt trời và núi non gợi những giá trị bền vững, "non xanh nguyên vẻ cũ". Hình ảnh con người và công tích của họ chỉ là khoảnh khắc mong manh...







舟中即事

阮堂



Kích thước tranh: 97 x 135 cm
Thư pháp hành thư, bút pháp chủ yếu của Ái Tân Giác La Khởi Công.



Chu trung töùc söï

Nguyeãn Söôûng

Phiên âm:

Giang khoát triều bình nhật hựu tà,
Khấu huyền thừa hứng đáp ngư ca.
Đoạn hồng quải hán thiên thu vũ,
Họa nghịch duyên lưu thủy tịch ba.
Hồ hải thập niên tri kỷ thiểu,
Công danh lưỡng tự ngộ nhân đa.
Biển chu thăng dục tầm Trương Hãn,
Nhất vị thuần lô nại nhĩ hà.

Dịch thơ:

Sông rộng, nước yên, bóng xế tà,
Gõ mạn ngẫu hứng khúc chài ca.
Cầu vồng, trời trong, mưa vừa tạnh,
Sóng lặng dòng trôi thuyền lướt qua.
Mười năm sông biển ai tri kỷ,
Công danh hai chữ lỡ người ta.
Những muốn dong buồm tìm Trương Hãn,
Lại e thèm rau cháo quê nhà.

Chu trung tức sự của Nguyễn Sưởng phản ánh tâm trạng u hoài của một thi nhân sống vào giai đoạn suy thoái của triều Trần, ông gửi gắm trong thơ nỗi thất vọng trước thời cuộc và những giằng xé nội tâm giữa công danh và đời sống thanh nhàn.

Bức tranh thư pháp tập trung minh họa phần suy tư của bài thơ. Điển tích Trương Hãn bỏ quan về quê được thể hiện qua những chi tiết giản dị như bình rượu, hoa rau muống nước và cá vược, tượng trưng cho những giá trị nhỏ bé nhưng thân thuộc của đời sống, đủ sức níu giữ con người trước quyết định rời bỏ chốn quan trường.

Phần thư pháp sử dụng hành thư, chủ yếu là bút pháp của Ái Tân Giác La Khởi Công, kết hợp với một số danh gia khác. Một chi tiết của bức tranh, bụi cây và tảng đá bên trái, là nét vẽ của Ái Tân Giác La Phổ Thuy, cũng là một quý tộc Mãn Thanh.





小雨

陳元旦





Kích thước tranh: 130 x 96 cm
Thư pháp hành thảo của Vương Sủng, Tôn Quá Đình và một số người khác.

Tieu vu

Tran Nguyen Ñan

Phiên âm:

Tiểu xuân sơn vũ tế phi vi,
Xuất tụ vân thâm phiến phiến phi.
Chướng nhật mông man hôn tự hiểu,
Tuỳ phong tiêu sắt mật hoàn hy.
Mai hàm ngọc lạp truyền thiên tín,
Trúc bính lang trâm tiết địa ky (cơ).
Thuỵ khởi lư hương tàn kỷ độ,
Thôn ông vị bả nhất lê quy.

Dịch thơ:

Non xuân mưa nhỏ lất phất bay,
Núi thẳm tràn ra lớp lớp mây.
Mờ mịt âm u chiều như sớm,
Đàn sáo ngân theo gió thưa dày.
Mai ngậm ngọc truyền tin trời xuống,
Trúc cài trâm lộ cơ đất hay.
Tỉnh giấc lò hương tàn mấy bận,
Chưa thấy bóng ông lão vác cày.

Tranh gồm 28 nhân vật, hai mươi sáu là những nam thanh nữ tú trong trang phục đương đại. Họ là những người khách du xuân từ nơi khác tới, hành hương lên xóm núi trong một ngày mưa phùn và mây mù giăng kín trời. Tất cả cùng ngắm cảnh, đàn hát, dạo chơi, khám phá mảnh đất mình đặt chân tới.

Hai nhân vật còn lại là người địa phương, cách ăn vận dường như thuộc về một thời kỳ nào đó thủa xa xưa. Đó là ông lão ngồi nhàn trước hiên nhà bên chiếc lò đốt trầm tỏa làn khói nhẹ và một người nông dân vác cày. Họ đang sống cuộc sống thường ngày của mình. Ta chẳng thể biết chính xác trong hai nhóm này, nhóm nào đã xuyên không. Những người đến từ quá khứ hay trở về từ tương lai? Nhưng chắc chắn tất cả đều đang tận hưởng khí xuân tràn ngập không gian.





大灘夜泊

范宗悟





Kích thước tranh: 135 x 99 cm
Thư pháp sử dụng hành thảo, chủ yếu là bút tích của Vương Hy Chi.

Ñaïi Than daï baïc

Phaïm Toâng Ngoä

Phiên âm:

Thập tải giang hồ nhất diệp chu,
Tây phong xuy tận hắc điêu cừu.
Sương hàn dã tự chung sơ dạ,
Nguyệt mãn giang thôn nhạn chính thu.
Kim cổ vô cùng ngô đạo tại,
Càn khôn bất ngại thử thân phù.
Minh thời khổ luyến quy tâm vị,
Tàm quý vân sơn nhiễu mộng du.

Dịch thơ:

Mười năm thuyền lá vẫn xuôi dòng,
Gió tạt phai màu sắc áo lông.
Sương lạnh chùa quê chuông đêm điểm,
Nhạn thu trăng toả xóm ven song.
Sau trước vô cùng đường ta nối,
Đất trời còn chịu cứ ruổi rong.
Thời bình lưu luyến tâm chưa dứt,
Thẹn thùng mây quẩn giấc mơ nồng.

Đại Than dạ bạc của Phạm Tông Ngộ là bài thơ ít lời nhiều ý, dùng cảnh đêm sông nước để gửi gắm suy tư của một bậc trí giả đời Trần, ngay thẳng và thanh liêm nhưng luôn trăn trở trước thời thế.

Bức tranh thư pháp được xây dựng như một giấc mộng du, nơi hình ảnh không tuân theo trật tự logic thông thường mà chồng lớp, siêu thực, đúng với tinh thần thơ ca của tác giả.

Ở trung tâm là Phạm Tông Ngộ trẻ trung, đứng giữa đêm thu ngập ánh trăng, chiêm ngưỡng không gian mênh mang. Dòng sông trở thành trục thời gian, nơi các lớp lịch sử và vũ trụ đồng hiện: từ khởi nguyên vũ trụ, sự hình thành sự sống, tiến hóa của loài người đến các sự kiện lịch sử dân tộc gắn với sông nước – Bạch Đằng, Như Nguyệt, Bình Than, và các nhân vật, huyền thoại tiêu biểu của Việt Nam: Mai An Tiêm, bà Trưng, Nguyễn Minh Không, Yết Yêu, Trần Quốc Toản, anh em Trương Hống, Trương Hát, rùa thần nhận gươm, phường rối nước.

Hình ảnh Khuất Nguyên buồn bã trước khi gieo mình xuống sông Mịch La được đặt đối lập với Phạm Tông Mại sống trong thời thịnh trị, gợi nên mâu thuẫn giữa khát vọng quy ẩn và sự ràng buộc của thế sự. Tất cả hợp thành một giấc mơ lớn, nơi cá nhân, lịch sử và thời gian hòa vào nhau.





江雪
柳宗元



Kích thước tranh: 136 x 64 cm
Thư pháp sử dụng hành thảo, kết hợp bút tích của nhiều thư pháp gia.



Giang tuyết

Liễu Tông Nguyên

Phiên âm:

Thiên sơn điểu phi tuyệt,
Vạn kính nhân tung diệt.
Cô chu thoa lạp ông,
Độc điếu hàn giang tuyết.

Dịch thơ:

Non dài chim khuất bóng,
Lối nhỏ vắng chân người.
Mình lão trên sông lạnh,
Ôm cần mặc tuyết rơi.

Giang tuyết của Liễu Tông Nguyên là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt nổi tiếng, mỗi câu thơ đều dồn nén cảm giác cô quạnh qua những từ được thi nhân khéo léo sử dụng như: tuyệt, diệt, cô, độc.

Bài thơ không chỉ vẽ nên một cảnh dòng sông vắng lặng, lạnh giá và tịch liêu trong mưa tuyết, mà còn phản chiếu tâm thế tự cô lập của tác giả trong những năm tháng bị biếm trích, khi ông khép mình trước thời cuộc sau thất bại của cuộc cải cách chính trị mà ông tham gia.

Bức tranh thư pháp chuyển hóa tinh thần ấy bằng bốn hình ảnh biểu trưng cho sự đơn chiếc: ông lão ngồi thuyền câu giữa sông tuyết, chiếc lá ngô đồng cuối cùng còn sót lại, con cá lẩn sâu dưới nước và con vịt thu sa hòa lẫn trong đám lau sậy.
Phần thư pháp sử dụng hành thảo, kết hợp bút tích của nhiều thư pháp gia, góp phần hoàn thiện một tổng thể tĩnh lặng và khép kín, nơi cảnh giang tuyết không chỉ là thiên nhiên mà còn là chân dung nội tâm của Liễu Tông Nguyên.





系馬辭

楊維楨



Kích thước tranh: 80 x 130 cm
Thư pháp kết hợp bút pháp
Trung Hoa và Nhật Bản.



Hei mai tö

Döông Duy Trinh

Phiên âm:

Thùy hệ tây chi mã,
Mã tê hoa loạn phi.
Loạn phi hồn tự khả,
Mạc khiển chiết hoa chi.

Dịch thơ:

Ai cột ngựa cành tây,
Ngựa hí hoa rợp bay.
Rợp bay lòng ngơ ngẩn,
Cành ngắt làm chi đây.

Hệ mã từ của Dương Duy Trinh là bài thơ ngắn nhưng hàm súc, xoay quanh hai hình tượng song hành: hoa và ngựa. Hoa tượng trưng cho sự tĩnh, ngựa buộc dưới gốc cây tượng trưng cho sự động; và va chạm giữa tĩnh và động ấy...

Bức tranh thư pháp chuyển tải ý niệm ấy bằng một không gian tạo hình mang sắc thái Nhật Bản, nơi các biểu tượng về tĩnh – động được đặt cạnh nhau một cách chặt chẽ. Sự va chạm giữa tĩnh và động không chỉ diễn ra trong ngoại cảnh mà còn phản chiếu những xao động tinh tế của nội tâm con người, khi tiếng ngựa hý làm lay động những cánh hoa rơi và khơi dậy lòng trắc ẩn của thi nhân.

Cây sakura mãn khai, đèn đá toro, cổng torii màu đỏ, núi Phú Sĩ là tĩnh. Còn con ngựa bị ràng buộc và bốn con khỉ trên cây là động. Chúng gắn với cụm từ "tâm viên ý mã" (心猿意馬) trong triết lý của Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo của trường phái Tống Nho chỉ về tâm trí bất định, thường biến của nội tâm con người.

Bốn con khỉ, gồm bộ ba thông thái "không nhìn điều xấu, không nghe điều xấu, không nói điều xấu" ở ngôi đền Toshogu và con thứ tư tượng trưng cho "không làm điều xấu". Đó chính là sự dưỡng tâm vậy.





清平樂其二

晏殊



Thanh bình nhạc kỳ 2

Án Thù

Phiên âm:

Kim phong tế tế,
Diệp diệp ngô đồng truỵ.
Lục tửu sơ thường nhân dị tuý,
Nhất chẩm tiểu song nùng thuỵ.

Tử vi chu cẩn sơ tàn,
Tà dương khước chiếu lan can.
Song yến dục quy thời tiết,
Ngân bình tạc dạ vi hàn.

Dịch thơ:

Gió thu nhè nhẹ,
Ngô đồng lá lá rơi.
Rượu nồng người uống say chới với,
Gần song gối tựa ngủ vùi.

Tử vi dâm bụt mới tàn,
Nắng chiều hắt nhẹ lan can.
Đôi én chực quay về tổ,
Bình phong đêm lạnh ngập tràn.

Bức tranh khắc họa khoảnh khắc giao mùa, khi mùa thu sắp lùi xa và cái lạnh của mùa đông đang lặng lẽ tràn tới, qua lời thơ của Án Thù, thi nhân đời Bắc Tống.

Nhân vật trong tranh là chàng trẻ ngồi bên bàn, nét mặt thư thái, gối đầu lên tay ngủ vùi. Trên bàn là bình rượu nghiêng đổ, trang sách đọc dở và những trái hải đường chín mọng – thứ quả nhỏ họ táo, chín vào cuối thu, vị chua dịu pha ngọt, vừa được hái làm thức nhắm. Ánh nắng hanh vàng chiếu vào căn phòng rộng mở, soi lên những bụi tử vi và râm bụt ngoài hiên, nửa còn tươi thắm, nửa đã phai tàn, không đủ khiến chàng trai tỉnh giấc.

Rượu say, gió se lạnh, cây sáo rơi xuống sàn, cánh bướm Trang Chu khẽ đậu trên vai, phải chăng chàng trai đang chìm vào một giấc mộng nhàn tản, nơi thực và mơ, tỉnh và say, giao hòa như chính khoảnh khắc chuyển mùa mà bài thơ gợi lên?



Kích thước tranh: 90 x 125 cm







黃江即事

蔡順





Kích thước tranh: 120 x 95 cm

Hoang giang töc söi

Thai Thuan

Phiên âm:

Mao xá nhân yên lý,
Cô chu tiểu bạc thì.
Thôn đồng tam tứ bối,
Duyên thủy mịch bành kỳ.

Dịch thơ:

Nhà tranh vương khói quyện,
Ghé đậu chiếc thuyền con.
Trẻ làng dăm ba đứa,
Mép nước bắt còng non.

Bài thơ *Hoàng Giang tức sự* của Thái Thuận gợi lên một khung cảnh làng quê ven sông giản dị, yên bình: nhà tranh vương khói bếp, chiếc thuyền nhỏ ghé bờ, và lũ trẻ con hồn nhiên lội nước bắt còng.

Bức tranh thư pháp khai triển tinh thần bài thơ bằng việc chọn bối cảnh cuối xuân, khi hoa gạo nở rực ven sông. Xa xa là làng quê với rơm rạ, mái nhà tranh và khói bếp quyện lên, thấp thoáng cổng đền Cổ Loa gợi nhắc địa danh Hoàng Giang.

Qua hình ảnh trẻ thơ và khung cảnh thôn quê thanh bình, bức tranh không chỉ minh họa bài thơ của Thái Thuận mà còn gợi một cảm thức chung: hòa bình và đời sống bình dị mới chính là giá trị bền vững nhất, là "hồn thiêng của tháng năm" mà bao thế hệ đã đi qua biến động, thậm chí chiến tranh, để gìn giữ.





望月

胡志明



Vọng nguyệt

Hồ Chí Minh

Phiên âm:

Ngục trung vô tửu diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.

Dịch thơ:

Trong tù không rượu cũng không hoa,
Cảnh đẹp đêm nay, khó hững hờ!
Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ.

Bức tranh thư pháp minh họa bài thơ *Vọng nguyệt* của Hồ Chí Minh tái hiện khoảnh khắc đối diện thầm lặng giữa người tù và vầng trăng trong đêm ngục tối. Trong không gian tột cùng thiếu thốn ấy, cuộc gặp gỡ giữa con người bị giam hãm và thiên nhiên tự do trở thành một đối thoại tinh thần không lời.

Trăng không an ủi, chỉ hiện diện; người tù không than thở, chỉ lặng nhìn. Chính sự tĩnh tại ấy làm bật lên chiều sâu minh triết của bài thơ: thân xác bị trói buộc nhưng thi tứ và tâm hồn vẫn tự do. Những chi tiết nhỏ như chiếc lá ngô đồng mắc song sắt, con ngài bay về phía ánh sáng, chiếc cùm sắt rỉ sét, hay chữ "Nhẫn" vạch mờ trên tường rêu phong đều gợi nên sự đối lập giữa khổ đau thể xác và sức bền tinh thần.

Nhân vật trong tranh không phải chân dung cụ thể của Hồ Chí Minh, mà là hình ảnh người tù vô danh – biểu tượng cho mọi tâm hồn thi nhân từng đứng trong bóng tối lao tù và hướng về ánh trăng. Toàn bộ bức tranh là một khúc ca lặng lẽ về tự do nội tâm, nơi ánh trăng không chỉ soi cảnh ngục, mà soi thấu một tâm thế không gì giam cầm được.







Kích thước tranh: 100 x 130 cm
Thư pháp thể hành thư của
Đổng Kỳ Xương, thư pháp gia đời Minh.





山居早起

從善王



Sôn cö tao khôi

Tung Thien Vöông

Phiên âm:

Bán tháp tùng phong hiểu mộng thanh,
Lam quang thụ sắc vị phân minh.
U nhân tảo khởi hoành cầm toạ,
Thính đắc sơn cầm đệ nhất thanh.

Dịch thơ:

Giường thông xào xạc giấc mộng lành,
Tờ mờ cây cối vẫn chưa xanh.
Ẩn nhân dậy sớm ôm đàn lặng,
Nghe tiếng chim rừng cất giọng thanh.

Bức tranh mở ra ở ranh giới mong manh của bình minh. Bóng tối vẫn chưa kịp rút lui, nhưng những tia sáng đầu ngày đã xuyên qua màn sương. Mặt đất còn lặng yên, song bên trong là những chuyển động âm thầm của sự sống.

Với người xem tranh, mọi sự đều rõ ràng. Nhưng với thi nhân, quan sát qua những tầng tán cây còn sẫm màu, sự thật ấy không dễ nhận ra. Sự bối rối – nhầm lẫn giữa chuyển động dễ thấy và âm thanh tinh tế – phản chiếu một trạng thái rất người: thế gian thường làm ta choáng ngợp bởi những gì ồn ào, phô trương, trong khi chân giá trị lại thường nhỏ bé, kín đáo.

Bức tranh vì thế không chỉ minh họa cho bài thơ, mà còn trở thành một ẩn dụ về nhận thức và chân lý. Cánh bay của chim chào mào dễ làm lóa mắt, dù tiếng hót không phải của nó. Trong đời sống cũng vậy, con người cần học cách vượt qua cái hiển lộ, để lắng nghe bản nhạc tinh tế ẩn mình trong làn sương của thế giới.

Kích thước tranh: 100 x 130 cm









Kích thước tranh: 145 x 100 cm



Loïc traïi

Vöông Duy

Phiên âm:

Không sơn bất kiến nhân,
Đãn văn nhân ngữ hưởng.
Phản cảnh nhập thâm lâm,
Phục chiếu thanh đài thượng.

Dịch thơ:

Núi vắng người chẳng thấy,
Vẫn nghe tiếng đâu đây.
Nắng rọi xuyên rừng thẳm,
Rêu xanh hắt sáng lây.

Sâu trong rừng thu phủ sương, một lối mòn men theo dòng suối nhỏ, viền bởi lá vàng, đá rêu và bụi cây ngả sắc. Không bóng người, chỉ còn tiếng vọng mơ hồ giữa rừng. Ánh nắng xuyên qua tầng cây cao, khẽ chạm vào rêu ẩm, tạo nên những khoảng sáng mơ màng. Một con hươu lặng lẽ cúi uống nước bên suối. Xa xa, tiếng chim gõ kiến đều đặn vang lên như nhịp thở của rừng.

Bên lối mòn, chiếc bẫy sắt cũ đã rỉ sét nằm khuất dưới bụi cây, không còn là hiểm họa mà chỉ là dấu tích. Những vết chân mờ trên đất ẩm gợi cảm giác có người vừa rời đi. Con người hiện diện ở đây không bằng hình hài, mà bằng sự vắng mặt.

Không có gì nổi bật lôi kéo ánh nhìn, vạn vật hòa quyện, nhưng mọi thứ đều cất tiếng. Một dàn hợp xướng không có nhạc công độc tấu. Cảnh rừng, không có gì đòi hỏi, mọi thứ đều mời gọi. Trong khung cảnh tĩnh tại này, thế giới như đang tự chiêm nghiệm chính mình – lặng lẽ, nhẫn nại, và thẳm sâu – như thể nhà thơ chưa từng rời xa nơi này.





驟雨

高伯適



Sậu vũ

Cao Bá Quát

Phiên âm:

Oa quy minh không viên,
Sậu vũ dĩ hoạt đạo.
Thôi song hoán a đồng,
Thức vấn giai tiền thảo.

Dịch thơ:

Ếch rùa vang vườn vắng,
Mưa rào trơn lối đi.
Đẩy cửa, gọi hầu nhỏ,
Cỏ trước thềm lau chi.

Bức tranh thư pháp khắc họa khoảnh khắc ngay sau cơn mưa rào, khi thiên nhiên vẫn còn ẩm ướt nhưng thinh không đã lắng lại. Trời đã hửng nhưng mưa bụi còn vương; nước nhỏ giọt từ mái tranh, rừng cây bừng sáng, rêu đá thẫm màu, những vũng nước phản chiếu ráng chiều muộn, những bông hoa gạo rụng vương vãi khắp nơi.

Trong không gian trong vắt, nhịp sống nối lại, lặng lẽ nhưng rõ nét. Ếch và rùa kêu vang, con khỉ đuôi dài với bộ lông ướt sũng ngồi quan sát. Chim cu gáy mẹ nép mình che chở đàn con trong cái tổ nơi trái nhà, chim bố bay quanh kiếm mồi. Cậu hầu nhỏ tò mò giơ tay hứng những giọt nước cuối cùng nhỏ xuống từ mái hiên. Mọi chuyển động đều chậm rãi, như nhịp thở của đất trời đang điều hòa trở lại sau cơn biến động.

Những ngọn đồi sau nhà còn phủ sương mù, và tiếng thác nước rì rầm như một âm thanh nền vĩnh hằng.
Nhà thơ bước ra cửa để đón người bạn thơ văn đội mưa tới thăm. Cả hai chưa cất tiếng nhưng cuộc hội ngộ dường như được chờ đợi từ lâu. Và cơn mưa không thể làm họ lỡ hẹn.



Kích thước tranh: 105 x 130 cm







Kích thước tranh: 76 x 76 cm

夜雪

白居易



Daï tuyeát

Baïch Cö Dò

Phiên âm:

Dĩ nhạ khâm chẩm lãnh,
Phục kiến song hộ minh.
Dạ thâm tri tuyết trọng,
Thì văn chiết trúc thanh.

Dịch thơ:

Chợt thấy chăn gối lạnh,
Song cửa sáng mong manh.
Đêm khuya tuyết rơi nặng,
Vẳng nghe trúc gãy cành.

Bức tranh thư pháp bắt lấy một khoảnh khắc cụ thể. Trong căn phòng đêm, Bạch Cư Dị chong đèn ngồi tựa lưng trên giường đọc sách. Một chậu than sưởi giữa nhà và một cái hỏa lò nhỏ đặt cạnh người tỏa hơi ấm dễ chịu nên nhà thơ ăn mặc có phần phong phanh, đôi tất lột ra vứt dưới sàn. Chính sự khoan khoái này làm Bạch Cư Dị thiếp đi. Tách trà bên cạnh bị gạt đổ. Một sự bình yên và tĩnh lặng tuyệt đối bao phủ.

Rồi trời đổ tuyết. Tuyết dầy phản chiếu ánh sáng làm màn đêm sáng bừng lên. Nó cũng làm cành trúc gẫy như lời thơ mô tả. Một cơn gió nhẹ thổi qua cửa sổ mở, cuốn những bông tuyết tơi bời bay vào phòng. Một tờ giấy vô tình bị cuốn vào chậu than, cháy bùng lên cùng với tàn lửa. Trong khoảnh khắc, sự bình yên bỗng biến thành nỗi bất an. Liệu có dẫn tới hỏa hoạn không? Liệu Bạch Cư Dị có kịp tỉnh giấc không?

Hẳn là có. Ông mơ màng trở dậy và làm bài thơ *Dạ tuyết.*







寄全椒山中道士

韦應物




Kích thước tranh: 100 x 130 cm
Thư pháp hành thư của Vương Hy Chi.

Kyù Toaøn Tieâu sôn trung ñaïo só

Vi Öùng Vaät

Phiên âm:

Kim triêu quận trạch lãnh,
Hốt niệm sơn trung khách.
Giản để thúc kinh tân,
Quy lai chử bạch thạch.
Dục trì nhất biều tửu,
Viễn uỷ phong vũ tịch.
Lạc diệp mãn không sơn,
Hà xứ tầm hành tích?

Dịch thơ:

Phòng thư sớm nay lạnh,
Nhớ bạn núi xa xôi.
Dưới khe nhặt bó củi,
Về luộc đá trắng phơi.
Muốn đem bầu rượu nhỏ,
An ủi gió mưa vơi.
Lá rụng đầy non vắng,
Tìm đâu dấu chân người.

Bức tranh thư pháp minh họa bài thơ *Ký Toàn Tiêu sơn trung đạo sĩ* của Vi Ứng Vật được đặt trong không khí tiết Trùng Cửu, khi con người xưa tìm về núi rừng để thưởng thu, uống rượu và đàm đạo. Tranh không kể một cuộc gặp gỡ trực tiếp, mà gợi nỗi nhớ bạn tri âm giữa thi nhân chốn quan trường và đạo sĩ ẩn cư nơi núi sâu, đúng như tinh thần bài thơ.

Hai người bạn, thi nhân và đạo sĩ, ngồi xếp bằng thiền định trên hai phiến đá phẳng, bình thản và trầm lặng trên nền trắng xoá của một con thác cuồn cuộn, ầm ầm đổ từ trên cao xuống. Sự tĩnh tại của họ hoàn toàn đối lập với sự vận động không ngừng của thác nước sau lưng. Quầng sáng xoáy như một cổng không thời gian ngăn cách giữa họ là ẩn dụ rằng cái ta thấy không chắc đó là thực tế.

Không gian thu nơi cận cảnh: lá phong rơi, chuồn chuồn bay, con rùa ngậm quả mọng, những tán lá vàng rực, mở ra tầng ý nghĩa sâu hơn về vô thường và vĩnh cửu. Toàn bộ bức tranh là sự kết nối vô hình giữa đời và đạo, giữa tĩnh và động, giữa hai con người không gặp nhau nhưng vẫn "đồng khí tương cầu".





水聲

吳時任



Kích thước tranh: 90 x 135 cm



Thuỷ thanh

Ngô Thì Nhậm

Phiên âm:

Thủy bản vô thanh, khước hữu thanh,
Tào khanh giang thượng vị thuỳ minh.
Trường lưu thuận chú, nguyên thường tĩnh,
Đoạn thạch hoành lan, nãi bất bình.
Ngạnh vị khứ thời, ưng hữu nộ,
Lượng năng dung xứ, tiện vô tranh.
Thái hòa quân tử tu tiềm hội,
Thấu triệt ngân quang đáo để minh.

Dịch thơ:

Nước vốn êm đềm đây rền vang,
Vì ai ào ạt giữa mênh mang.
Sông chảy về xuôi trong tĩnh lặng,
Gặp đá cản dòng mới ngang tang.
Chưa khơi thông lạch nên tức giận,
Gặp nơi dung nạp lại nhẹ nhàng.
Cái lẽ thái hòa người ghi nhớ,
Đáy sâu ánh nước vẫn rạng quang.

Dưới thác nước đổ thẳng từ tầng cao vô định, một bóng người nhỏ bé đứng yên trên mỏm đá tối. Đối diện thác là khối núi đá dựng đứng, tầng tầng lớp lớp, nặng nề và bất động. Đá và nước, cứng và mềm, cản và thông, tất cả cùng tồn tại trong một trạng thái cân bằng không cần điều phối. Chính tại đây, tư tưởng "dung thì không tranh" của bài thơ được thể hiện bằng hình ảnh, chứ không bằng lời.

Ngô Thì Nhậm viết: *Nước vốn không tiếng, cớ sao lại có tiếng.* Tiếng ồn không sinh từ bản chất của nước, mà từ sự va đập, ngăn trở, từ những tảng đá chắn ngang dòng chảy. Bức tranh không mô tả khoảnh khắc nước va vào đá, cũng không phóng đại sự dữ dội của thác.

Thác vẫn đổ, nước vẫn rơi, nhưng trong bức tranh này, "nước" không còn là âm thanh, mà là một trật tự đang tự vận hành.

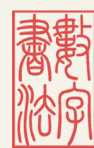







寨頭春渡

阮廌





Kích thước tranh: 135 x 105 cm

Traïi ñaàu xuaân ñoä

Nguyeãn Traõi

Phiên âm:

Độ đầu xuân thảo lục như yên,
Xuân vũ thiêm lai thủy phách thiên.
Dã kính hoang lương hành khách thiểu,
Cô chu trấn nhật các sa miên.

Dịch thơ:

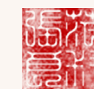
Đầu bến cỏ xuân xanh màu khói,
Mưa xuân rả rích nước vờn mây.
Đường mòn vắng bóng người qua lại,
Thuyền đơn gối cát ngủ quên ngày.

Mưa xuân mịn như khói phủ kín bến sông, nơi màu cỏ non xanh mềm dệt gấm thêu hoa lên mặt đất. Một chiếc thuyền trống nằm nghiêng trên bãi cát ẩm, gối đầu vào bờ. Những thân tre mục và cái đó rách vương vãi đây đó. Một con vịt trời, sinh linh duy nhất giữa không gian mênh mang, lặng lẽ bơi cạnh chùm hoa xoan tím trôi trên mặt nước.

Trên thảm cỏ bên lối mòn, chiếc nón quai thao và chiếc ô đen được ai đó bỏ lại cùng bó hoa hái vội. Thêm một chiếc hài nữ đơn độc nằm chơ vơ. Tất cả như dấu tích của một cuộc hò hẹn đôi lứa vội vàng, và cả ai đã tan vào màn sương trắng đang nuốt dần con đường.

Hai hàng cây ẩm ướt lặng thinh, như đang canh giữ một khoảng trời hoài niệm. Phía xa, chân mây trắng hòa vào lưng đồi mờ sương. Không gian như ngưng đọng. Trên nền trời xám, không có chim bay, không có mặt trời, chỉ còn vài giọt nước còn đọng lại trên vành nón, cành cỏ, và cả trong tâm tưởng người xem.

Và rồi, như một tiếng vọng từ quá khứ, thơ Nguyễn Trãi hiện lên ở góc trời, không phải chỉ để đọc mà để cảm, để lặng đi.





早梅
張謂



Tảo mai

Tröông Vò

Phiên âm:

Nhất thụ hàn mai bạch ngọc điều,
Quýnh lâm thôn lộ bạng khê kiều.
Bất tri cận thủy hoa tiên phát,
Nghi thị kinh đông tuyết vị tiêu.

Dịch thơ:

Nhành mai trắng lạnh tựa ngọc ngà,
Bên cầu suối nhỏ đường làng xa.
Nào hay gần nước hoa mau nở,
Ngỡ là tuyết đọng đông vừa qua.

Bức tranh này được lấy cảm hứng từ bài thơ *Tảo mai* của Trương Vị thời Đường, thể hiện vẻ đẹp tinh khôi và bất ngờ của mùa xuân qua hình ảnh hoa mai trắng nở sớm bên cầu nhỏ.

Tác giả sử dụng thủ pháp lấy nét của nhiếp ảnh, tập trung vào cành mai trắng ở tiền cảnh và tạo chiều sâu bằng hậu cảnh nhòe mờ phía sau. Những yếu tố nhỏ đầy bất ngờ khác được đặt rải rác trong tranh: cặp chim én làm tổ dưới gầm cầu, những con nhím vừa tỉnh giấc ngủ đông, cô gái dạo xuân cùng chú chó, chậu quất vàng rực trên cầu, mấy quả pháo Tết nằm dưới gốc cây hay một cánh mai trôi trên mặt nước... Tất cả đều góp phần làm nổi bật chủ đề bất ngờ khi nhìn hoa mai trắng tưởng tuyết chưa tan và sự sống đang hồi sinh sau mùa đông băng giá.

Một trái mai rụng dưới gốc cây gợi lên câu hỏi: liệu nó có nảy mầm thành một cây mai mới khi xuân sắp về? Câu trả lời được bỏ ngỏ như một niềm hy vọng lặng lẽ, rằng mùa xuân luôn đem đến những khởi đầu mới.



Kích thước tranh: 100 x 130 cm





初秋感興其二

阮攸





Kích thước tranh: 130 x 100 cm
Thư pháp thảo thư của Vương Sủng.

Sô thu cam höng ky nhò

Nguyen Du

Phiên âm:

Giang thượng tây phong mộc diệp hy,
Hàn thiền chung nhật táo cao chi.
Kỳ trung tự hữu thanh thương điệu,
Bất thị sầu nhân bất hứa tri.

Dịch thơ:

Gió tây sông vắng lá thưa bay,
Cành nhỏ ve kêu lạnh cuối ngày.
Ẩn trong có nỗi niềm da diết,
Chẳng sầu ai dễ thấu tình này.

Bức tranh thư pháp lấy cảm hứng từ bài thơ của Nguyễn Du, ghi lại khoảnh khắc đầu thu với gió tây, tán lá thưa dần, tiếng ve sầu và nỗi buồn man mác.

Chi tiết trung tâm của tác phẩm là chiếc lá khô rụng. Trong tranh, chiếc lá nhỏ bé nằm lẫn giữa cỏ và đá như một dấu hiệu tinh tế của sự tàn phai. Ngoài lề tranh, một chiếc lá khác – được thể hiện ở kích thước thật, đổ bóng lên nền giấy – như bay ra khỏi không gian hội họa để chạm tới thực tại người xem. Cùng với hình ảnh con ve sầu đặt ở phần lề tranh, tác phẩm gợi nên hai tầng cảm nhận: cảnh vật ai cũng có thể thấy, nhưng nỗi buồn ẩn sâu chỉ người mang tâm sự mới thực sự thấu hiểu.

Bằng sự tiết chế về hình ảnh và chi tiết, bức tranh trở thành một thiền quán về ranh giới giữa nghệ thuật và đời sống, giữa thiên nhiên và cảm xúc, đồng thời vang vọng tinh thần câu thơ kết của Nguyễn Du: “Chẳng sầu ai dễ thấu tình này”.





脫





Thoát Tự tại

Đạo, rượu, nhàn, vô vi, vượt thoát



山房漫興其二

陳仁宗



Kích thước tranh: 95 x 60 cm



S ôn phong main höng kyı nhò

Tran Nhain Toing

Phiên âm:

Thị phi niệm trục triêu hoa lạc,
Danh lợi tâm tùy dạ vũ hàn.
Hoa tận vũ tình sơn tịch tịch,
Nhất thanh đề điểu hựu xuân tàn.

Dịch thơ:

Phải trái rụng theo hoa buổi sớm,
Lợi danh lạnh với trận mưa đêm.
Hoa tàn, mưa tạnh, non im lắng,
Xuân cỗi còn dư một tiếng chim.

Đây là một trong những tranh thư pháp đầu tiên của tác giả, và nếu nhìn lại thì cũng là những bức sớm nhất định hình phong cách sáng tác xuyên suốt về sau.

Bức tranh minh họa cho cặp câu đầu của bài thơ *Sơn phòng mạn hứng kỳ 2*. Trong đêm mưa ào ạt, ánh chớp xé ngang trời như một khoảnh khắc bừng sáng của tư duy. Nổi bật trên nền đen sâu thẳm, chữ “清” (thanh) nghĩa là trong sạch, được chọn làm chủ đề như tâm ý chính của bài thơ. Sau khi thị phi và danh lợi tan đi, điều lắng đọng là sự trong vắt của tâm hồn.

Những cánh hoa bay thể hiện rằng ý niệm thị phi (đúng sai) vốn mong manh, sẽ như những cánh hoa rung đừng nên chấp trước. Còn tâm danh lơi, dẫu có khởi lên như lửa nóng thì cũng sẽ tàn nguội trong cơn mưa đêm lạnh lẽo. Khung cảnh bão tố không phải mô tả thiên nhiên mà là nội tâm đang trải qua một cuộc trút bỏ dữ dội.



禪

偈云
居塵樂道且隨緣
饑則飧兮困則眠
家中有寶休尋覓
對境無心莫問禪

陳仁宗
居塵樂道賦

阮金山部長雅正 星雲集團敬贈 辛丑年秋月于河内

范叔張良作









偈云

陳仁宗



Kích thước tranh: 76 x 50 cm



Kệ vân

Trần Nhân Tông

Phiên âm:

Cư trần lạc đạo thả tuỳ duyên,
Cơ tắc san hề khốn tắc miên.
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch,
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Dịch thơ:

Cõi trần vui đạo, hãy tuỳ duyên,
Đói cứ ăn no, mệt ngủ yên.
Báu sẵn trong nhà, thôi khỏi kiếm,
Vô tâm trước cảnh, hỏi gì Thiền.

Một trong 10 bức thư pháp đầu tiên với phong cách thiết kế còn rất đơn giản và ảnh hưởng truyền thống như sử dụng nền trắng và lề xám trung tính để mô phỏng chất liệu giấy và tiết chế trong hình ảnh, màu sắc.

Các tác phẩm về sau có bố cục tổng thể dần chuyển thành tranh, tập trung chủ yếu vào hình ảnh còn phần thư pháp được thu nhỏ lại. Phần lề cũng được sử dụng như không gian mở rộng của bức tranh với công năng đa dạng chứ không chỉ để trang trí.



告疾示眾

滿覺禪師





Kích thước tranh: 98 x 76 cm
Thư pháp thể hành thư của Đường Bá Hổ.

Cao tait thò chung

Main Giac thien sö

Phiên âm:

Xuân khứ bách hoa lạc,
Xuân đáo bách hoa khai.
Sự trục nhãn tiền quá,
Lão tùng đầu thượng lai.
Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,
Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Dịch thơ:

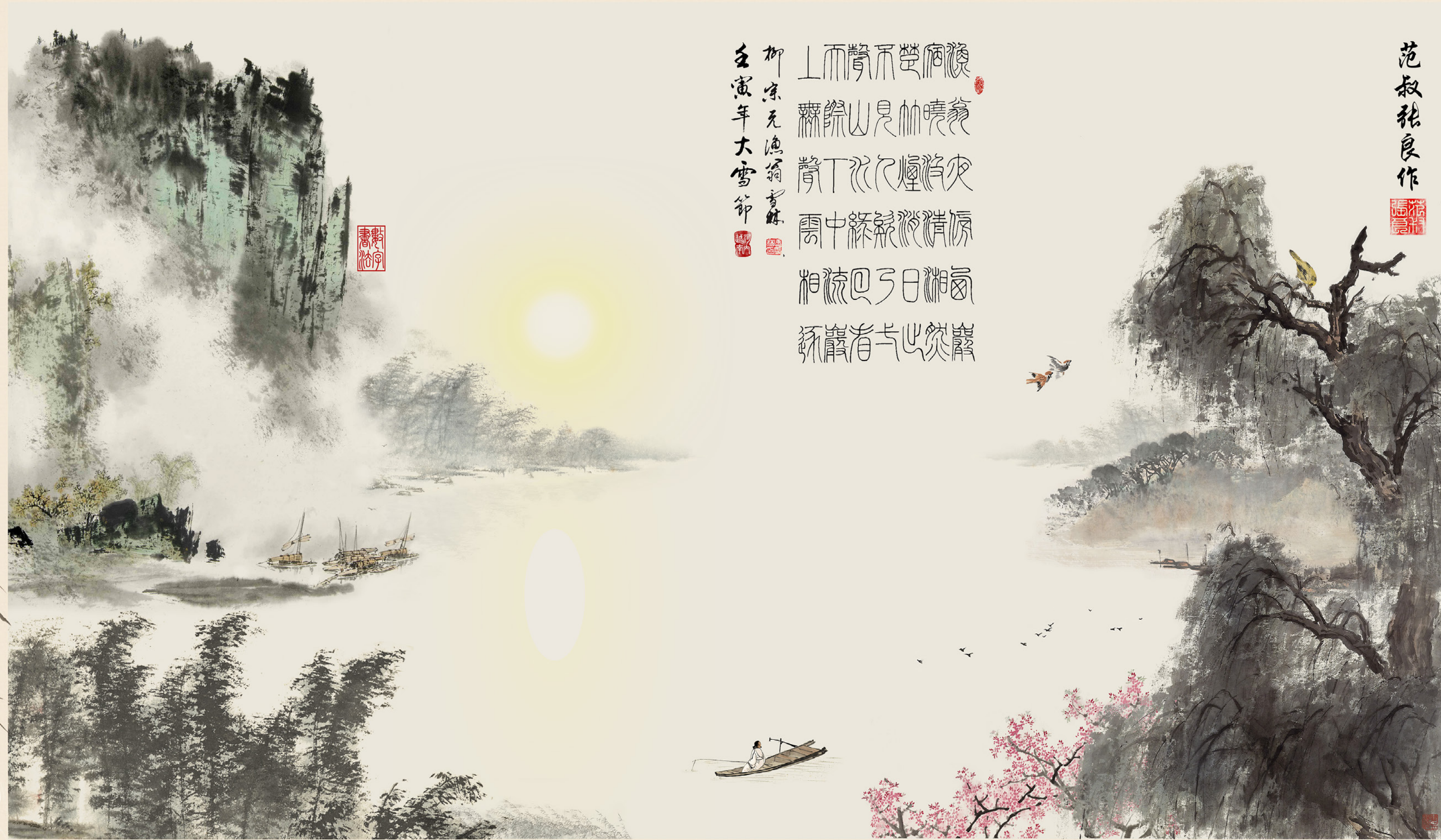
Xuân qua, trăm hoa rụng,
Xuân tới, trăm hoa cười.
Trước mắt, việc đi mãi,
Trên đầu, già đến rồi.
Đừng bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một nhành mai.

Cáo tật thị chúng là bài kệ nổi tiếng của Mãn Giác thiền sư đời Lý, được truyền tụng như lời giác ngộ cuối cùng trước khi ngài viên tịch. Tác phẩm triển khai từ quy luật vô thường của tạo hóa, qua sự tự quán chiếu thân tâm con người, để kết lại bằng hình ảnh cành mai nở muộn – một ẩn dụ sâu sắc cho tinh thần giác ngộ vượt lên sinh, lão, bệnh, tử.

Bức tranh thư pháp sử dụng hành thư của Đường Bá Hổ làm chủ đạo, với nét bút thanh thoát, phù hợp tinh thần thiền quán của bài kệ. Phần hình họa được xây dựng trên sự đối lập: cành hồng mai, bạch mai và chim sắc màu rực rỡ nổi bật trên nền cảnh u trầm, sương mù và đàn quạ xa xa, gợi nên khoảnh khắc bừng sáng của giác ngộ giữa dòng thời gian vô tận.

Các chi tiết kiến trúc chùa Tây Phương và hình tượng La Hầu La Tôn giả góp phần làm rõ không gian tu hành và tư tưởng thiền học, nhấn mạnh thông điệp trung tâm của tác phẩm: thân xác hữu hạn, nhưng tinh thần giác ngộ thì vượt ngoài giới hạn của thời gian.





12/2022

漁翁

柳宗元



Kích thước tranh: 115 x 73 cm
Phần thư pháp sử dụng triện thư, với bút pháp của Phùng Tuyết Lâm.



Ngö oâng

Lieãu Toâng Nguyeân

Phiên âm:

Ngư ông dạ bạng tây nham túc
Hiểu cấp thanh Tương nhiên Sở trúc.
Yên tiêu nhật xuất bất kiến nhân,
Ái nãi nhất thanh sơn thủy lục.
Hồi khan thiên tế hạ trung lưu,
Nham thượng vô tâm vân tương trục.

Dịch thơ:

Ông chài đêm nghỉ phía tây đồi,
Sáng đun tre Sở nước Tương sôi.
Sương tan nắng hửng người không thấy,
Chèo khua sông núi dội chơi vơi.
Ngoảnh trông trời biếc trong dòng chảy,
Đầu non mây nhẹ lững lờ trôi.

Ngư ông của Liễu Tông Nguyên thường được xem là biểu hiện cho khát vọng rút lui khỏi thời cuộc của một trí thức trải qua nhiều thăng trầm chính trị. Bài thơ ra đời như một khoảnh khắc lắng đọng hiếm hoi, nơi con người tìm lại sự bình yên trong cô độc, tách khỏi những ràng buộc của quyền lực và danh lợi.

Bức tranh thư pháp khắc họa hình ảnh ngư ông buông câu một mình giữa trời nước mênh mang vào buổi sớm tinh mơ. Cây liễu và đàn chim đậu tiền cảnh vừa là yếu tố tạo hình, vừa là ám chỉ tinh tế tới họ Liễu của nhà thơ và gánh nặng gia đình ông phải gánh vác giữa lúc sa cơ; khóm tre và làn khói ở rìa tranh gợi lại niềm khoái hoạt giản dị của đời sống ẩn dật mà thi nhân mơ tưởng, sáng sớm hãm chén trà nóng bằng nước sông Tương...

Phần thư pháp sử dụng triện thư, thể chữ mang tính cổ kính và tĩnh tại, với bút pháp của Phùng Tuyết Lâm, góp phần hoàn chỉnh một tổng thể trầm mặc, nơi sự cô độc không còn là nỗi buồn, mà trở thành không gian tự do hiếm hoi của tinh thần.





寓興

阮秉謙



Ngụ hứng

Nguyễn Bỉnh Khiêm

Phiên âm:

Cận thủy mao trai sổ trúc chuyên,
Nhàn trung hảo bạn bạch vân miên.
Quá môn hành khách bất tương thức,
Giá lý thuỳ tri biệt hữu thiên.

Dịch thơ:

Nhà tre mái rạ nước ngoài hiên,
Cùng mây bầu bạn giấc tiêu phiền.
Người đi ngang cửa nào đâu hiểu,
Trong này ai biết khoảnh trời riêng.

Tác giả chọn buổi sáng đầu thu trong khoảng tiết xử thử cuối tháng Tám đầu tháng Chín làm bối cảnh thời gian cho bức tranh thư pháp. Đây là thời điểm cuối mùa sen, đầu mùa cúc, khí trời dịu mát, dễ chịu.

Căn nhà tre mái rạ nhìn ra bờ nước của Nguyễn Bỉnh Khiêm ở làng Trung Am, trấn Hải Dương được thể hiện như một chốn vắng vẻ, có nhiều giống vật hoang dã quần tụ như giữa chốn thâm sơn cùng cốc.

Trong thơ, Nguyễn Bỉnh Khiêm mô tả mình nằm khểnh nhàn tênh trong nhà, người qua kẻ lại chẳng mấy ai hay. Còn trong tranh, tác giả đưa nhân vật ra ngoài, thảnh thơi đi dạo, hòa vào khung cảnh. "Khoảnh trời riêng" được ẩn dụ bằng tia chớp giữa bầu trời đầy ánh nắng ban mai và những giọt mưa chỉ làm mình ông bị ướt. Sấm sét, cũng là ẩn dụ của thi phẩm Sấm Trạng Trình kỳ bí và nổi tiếng của Nguyễn Bỉnh Khiêm, được hậu thế xem như những lời tiên tri cho các biến cố chính của dân tộc Việt Nam trong khoảng 500 năm (từ năm 1509 đến khoảng năm 2019).

Thư pháp thể hành thư của Văn Trưng Minh (1470-1559), thư pháp gia đời nhà Minh.



Kích thước tranh: 80 x 115 cm
Thư pháp thể hành thư của
Văn Trưng Minh.





春景

陳仁宗





Kích thước tranh: 95 x 140 cm
Thư pháp hành thư chủ yếu của
Ái Tân Giác La Khải Công.

Xuan canh

Tran Nhan Tong

Phiên âm:

Dương liễu hoa thâm điểu ngữ trì,
Họa đường thiềm ảnh mộ vân phi.
Khách lai bất vấn nhân gian sự,
Cộng ỷ lan can khán thuý vi.

Dịch thơ:

Chim hót nhặt thưa liễu buông mành,
Mái vẽ phòng vương mây lướt quanh.
Khách thăm chẳng hỏi đời bao chuyện,
Cùng tựa lan can ngắm núi xanh.

Tác giả đưa vào bức tranh thư pháp “Xuân cảnh” ba nhân vật, Hương Vân đại đầu đà Trần Nhân Tông và người bạn đạo sĩ Lâm Thời Vũ trò chuyện tại sân chính của một ngôi chùa trên núi, cùng nhìn về phía phong cảnh rừng núi mùa xuân xanh tốt mở ra trước mắt. Nhân vật còn lại là chú tiểu đang thong thả quét sân. Có thể cảm nhận được sự thanh tịnh của cả không gian và của những con người không vướng bụi trần.

Thư pháp hành thư của Ái Tân Giác La Khải Công và một số người.





樓上偶得其一

阮文超





Kích thước tranh: 119 x 85 cm

Lau thöông ngau ñac ky nhat

Nguyen Van Sieu

Phiên âm:

Nhất thủy trung phù địa,
Trường lưu đảo tải thiên.
Ngư chu xuân tống khách,
Hồi trạo túc hoa biên.

Dịch thơ:

Nước bao quanh gò đất,
Dòng xuôi chở ngửa trời.
Thuyền câu xuân tiễn khách,
Bên hoa nghỉ chèo thôi.

Lâu thượng ngẫu đắc kỳ nhất của Nguyễn Văn Siêu là một bài ngũ ngôn tứ tuyệt được sáng tác trong phút ngẫu hứng, nhưng lại gợi mở một không gian thanh nhàn hiếm có trong cuộc sống.

Bức tranh thư pháp phát triển tinh thần ấy thành một cảnh giới phiêu dật và thảnh thơi tuyệt đối. Trên mặt hồ phản chiếu bầu trời, ngư ông ngồi một mình trên chiếc thuyền câu nhỏ bé, dường như quên hẳn mục đích của việc câu cá.

Phía sau lưng, bàn cờ tướng với vài quân cờ rơi vãi là dấu tích của người bạn câu vừa chia tay, gợi tưởng cảnh hai con thuyền gặp nhau giữa dòng, cùng chơi một ván cờ rồi lại lặng lẽ chèo đi mỗi người một hướng.

Toàn bộ tác phẩm là một lời mời gọi người xem tạm rời khỏi đời sống hiện đại chật chội, để chạm tới cảm giác nhàn tênh và khoáng đạt mà Nguyễn Văn Siêu đã bắt gặp trong khoảnh khắc ngẫu đắc ấy.





月

陳仁宗





Kích thước tranh: 135 x 95 cm.
Phần thư pháp sử dụng hành thư.

Nguyệt

Trần Nhân Tông

Phiên âm:

Bán song đăng ảnh mãn sàng thư,
Lộ trích thu đình dạ khí hư.
Thuỵ khởi châm thanh vô mịch xứ,
Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ.

Dịch thơ:

Đèn soi song cửa sách đầu giường,
Sân thu đêm xuống toả hơi sương.
Tỉnh giấc tiếng chày đâu văng vẳng,
Trăng mọc cành hoa quế ngát hương.

Nguyệt của Trần Nhân Tông miêu tả khoảnh khắc nhà tu hành chợt tỉnh giấc giữa một đêm thu, khi các giác quan cùng lúc được đánh thức bởi ánh đèn, ánh trăng trên cành hoa quế, hơi sương se lạnh và tiếng chày giặt vải mơ hồ vọng đến. Nhưng điểm đáng nói nhất không nằm ở cảnh vật u tịch bên ngoài mà ở trạng thái nội tâm của ông: một cựu hoàng từng trải qua vinh hoa, binh đao và quyền lực tột đỉnh, nay hoàn toàn tỉnh thức với hiện tại, không vướng bận ký ức hay suy tư thế sự. Bài thơ không nhắc đến chữ "thiền" nhưng toát lên tâm thiền của bậc chân tu đã đạt tới vô ngã.

Bức tranh thư pháp lấy hình ảnh trung tâm là Trần Nhân Tông ngồi trầm tư bên bài thơ vừa sáng tác. Các chi tiết xung quanh vừa minh họa lời thơ, vừa là những ẩn dụ gắn với cuộc đời ông. Thân phận cựu hoàng được biểu tượng bằng chiếc triện chạm hình rồng, nhưng lại khắc pháp danh Hương Vân đại đầu đà của vị Phật hoàng. Khóm trúc ngoài cửa là ẩn dụ của Trúc Lâm, dòng thiền do ông sáng lập. Hai bức tượng nhỏ – tượng Phật trên bàn và con ngựa đá dùng chặn sách – biểu trưng cho hai nửa cuộc đời của Trần Nhân Tông: vị vua giữ nước và nhà tu hành giác ngộ, trong đó con ngựa đá gợi lại hình ảnh "thạch mã" lấm bùn ở Chiêu Lăng. Chuỗi tràng hạt treo nơi thành giường vừa là vật dụng tu hành vừa gợi nhắc những sinh mạng đã mất trong các cuộc kháng chiến mà Trần Nhân Tông từng trải qua.

Cặp câu thứ hai và ba của bài thơ được chuyển hóa thành những liên tưởng thị giác: hơi sương hiện hữu như làn khói bảng lảng dưới ánh trăng rằm; còn tiếng chày giặt vải – một âm thanh khó minh họa – được thể hiện bằng chiếc cối nghiền vỏ quế. Chiếc chén xanh đựng bột quế có tên gọi "châm thanh", đồng âm khác nghĩa với từ "châm thanh" trong bài thơ.

Hình ảnh trăng trên cành hoa quế ở câu cuối được thể hiện theo ba cách: trăng và hoa quế ngoài cửa sổ; một bông hoa quế rơi lên trang giấy, nằm cạnh chữ "nguyệt"; và một bông khác mắc vào bánh xe pháp luân tám nan, biểu tượng của Bát Chánh Đạo, đồng thời gợi nhắc hình ảnh mặt trăng. Các sinh vật như mèo đen, dế, đom đóm, dây leo, cánh hoa rụng... tượng trưng cho những mối liên kết âm thầm giữa nhà tu hành và đời sống. Dù một mình, Trần Nhân Tông không hề cô độc; dường như mọi sinh linh đều tìm đến, nương tựa vào sự tĩnh lặng và hơi ấm tinh thần mà bậc chân tu lan tỏa.

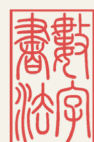
Toàn bộ bức tranh, với thư pháp hành thư, hướng tới sự viên dung giữa đời và đạo, nơi ánh trăng thu không chỉ soi cảnh vật mà còn soi chiếu một tâm thức đã an trú sau khi đi trọn con đường lịch sử của mình.





范蠡遊五湖

阮勸





Kích thước tranh: 95 x 135 cm

Phạm Lãi du Ngũ Hồ

Nguyễn Khuyến

Phiên âm:

Công danh nghịch liệu xử lương nan,
Nhất trạo quy lai nhiệm thích nhàn.
Phóng lãng tam sinh phong nguyệt khách,
Bình chương vạn tượng thủy vân gian.
Càn khôn tiếu ngạo hồn vô tích,
Ngô Việt doanh thâu tổng bất quan.
Vật luận cung tàng cao trước nhãn,
Tiên tung kim cổ diểu nan phan.

Dịch thơ:

Công danh đoán định thật gian nan,
Một mái chèo lui mặc sức nhàn.
Ba kiếp rong chơi cùng trăng gió,
Muôn điều hòa với nước mây ngàn.
Đất trời cười ngạo, không lưu vết,
Được thua Ngô Việt chẳng bận bàn.
Đâu lo nỏ cất, tầm mắt rạng,
Xưa nay tiên lối khó bước sang.

Bức tranh không chỉ minh họa một bài thơ, mà là một suy tư thị giác về trí tuệ thoái lui, về tự do đạt được không phải bằng việc leo cao hơn, mà bằng việc biết rời đi đúng lúc.

Bức tranh thư pháp này lấy cảm hứng từ một bài thơ vịnh Phạm Lãi – bậc kỳ tài thời Xuân Thu, người đã giúp nước Việt diệt Ngô rồi chủ động rũ bỏ công danh, cùng Tây Thi xuôi thuyền ẩn cư, để lại cho hậu thế một hình mẫu hiếm hoi của minh triết biết dừng đúng lúc.

Dòng chữ 陶朱公船 khắc bằng triện thư trên mạn thuyền không nhằm phô bày sự giàu có, mà như một lời xác nhận lặng lẽ: con người này đã bước sang một căn tính khác – từ công thần thành thương gia, từ kẻ nắm vận nước thành người đứng bên thời thế.

Không có cảnh chia tay bi tráng, không có hào quang triều đình, chỉ còn lại một thế giới gần như "tiên cảnh" của văn hóa Trung Hoa: nước-mây-chim-thú cùng tồn tại trong một trật tự hài hòa, nơi vinh nhục Ngô-Việt đã không còn liên quan.





白鷺鷥

李白





Kích thước tranh: 95 x 125 cm
Thư pháp thể chữ thảo của
nhà sư Trí Vĩnh.

Bạch lộ tư

Lý Bạch

Phiên âm:

Bạch lộ há thu thuỷ,
Cô phi như truỵ sương.
Tâm nhàn thả vị khứ,
Độc lập sa châu bàng.

Dịch thơ:

Cò trắng sà nước biếc,
Đáp nhẹ tựa sương rơi.
Lòng nhàn không vội vã,
Bãi cát đứng thảnh thơi.

Bức tranh thư pháp *Bạch lộ tư* được thể hiện dưới tinh thần thiền định. Hình ảnh trung tâm là một con cò trắng sà xuống mặt nước thu trong veo, đáp nhẹ như hạt sương rơi rồi khoan thai đứng yên trên bãi cát. Không săn mồi, không cảnh giác, con cò hiện diện trong khoảnh khắc dừng chân an nhiên, đúng với trạng thái "tâm nhàn" mà bài thơ gợi lên.

Thế giới vẫn âm thầm chuyển động xung quanh con cò mảnh mai. Những đốm sáng lập lòe của lũ đom đóm. Một con ếch cốm nhỏ nổi lên dưới khóm sen đang nở những bông hoa cuối mùa. Một con chuồn chuồn kim đậu khẽ trên cánh hoa sen rụng. Một con ốc sên bò chậm chạp trên tảng đá mồ côi. Một con gọng vó nhẹ nhàng lướt qua mặt nước. Một con cua nhỏ hòa mình vào màu xanh của chiếc lá sen lớn tàn úa.

Xa xa bên bờ lau lách, chiếc bẫy chim cũ, nằm nghiêng nửa chìm nửa nổi, gần như lẫn vào đám lau sậy màu nâu sẫm, biểu trưng cho dấu vết của hiểm nguy.

Và con cò thảnh thơi đứng đó, tĩnh lặng, không phải sinh ra bởi sự vô tri, mà từ nhận thức và thấu hiểu. Biết rõ, và chọn bình thản.

Thư pháp thể chữ thảo của nhà sư Trí Vĩnh, cháu bảy đời của thư pháp gia Vương Hy Chi.





有空

道行禪師



Höõu khoâng

Ñaïo Haïnh thieàn sö

Phiên âm:

Tác hữu trần sa hữu,
Vi không nhất thiết không.
Hữu, không như thủy nguyệt,
Vật trước hữu không không

Dịch thơ:

Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa xem bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì?

Bức tranh thư pháp *Hữu không* lấy cảm hứng từ tư tưởng Phật giáo trong bài thơ của Từ Đạo Hạnh, xoay quanh cặp khái niệm "Có" và "Không" như hai mặt bất khả phân của thực tại. Thay vì minh họa theo lối ước lệ quen thuộc, bức tranh tìm cách diễn đạt trực quan tính vô thường và nghịch lý của tồn tại.

Trung tâm bố cục là một chữ ghép giữa "Có" và "Không", dùng thư pháp của Đường Bá Hổ. Chữ "Không" ấy vốn không có trong thực tế, gợi ý rằng trong đó đã hàm chứa không, và trong không luôn có mầm của có. Nó hiển hiện dưới hai sắc thái: tụ lại thành hình và tan dần thành khói.

Những hình ảnh như giọt nước chứa vũ trụ, hoa sen nổi lập lờ, bóng trăng và bàn tay dưới nước, cá bơi ngửa trong không gian... đều cố ý tạo cảm giác phi lý, buộc người xem phải thay đổi góc nhìn để nhận ra tính tương đối của thực - ảo.

Hình ảnh nhà sư cưỡi ngựa vượt sa mạc mà thực chất không ra khỏi cánh sen, gợi liên tưởng đến hành trình tìm đạo của Trần Huyền Trang, khép lại bức tranh như một ẩn dụ: chân lý không nằm ở một trạng thái tĩnh, mà trong chính hành trình truy vấn không ngừng giữa có và không.



Kích thước tranh: 81 x 114cm
Thư pháp thể thảo thư của Vương Sủng.





月下獨酌其一

李白





Kích thước tranh: 100 x 130 cm

Nguyeit hai ñoic chöôic kyi nhait

Lyi Baich

Phiên âm:

Hoa gian nhất hồ tửu,
Độc chước vô tương thân.
Cử bôi yêu minh nguyệt,
Đối ảnh thành tam nhân.
Nguyệt ký bất giải ẩm,
Ảnh đồ tuỳ ngã thân.
Tạm bạn nguyệt tương ảnh,
Hành lạc tu cập xuân.
Ngã ca nguyệt bồi hồi,
Ngã vũ ảnh linh loạn.
Tỉnh thì đồng giao hoan,
Tuý hậu các phân tán.
Vĩnh kết vô tình du,
Tương kỳ mạc Vân Hán.

Dịch thơ:

Bên hoa một bình rượu,
Rót uống chỉ riêng ta.
Nâng chén mời trăng sáng,
Cả bóng thành bộ ba.
Trăng kia không biết uống,
Bóng theo mình lê la.
Tạm cùng trăng với bóng,
Vui cho kịp xuân qua.
Ta hát trăng thẩn thức,
Ta múa bóng la đà.
Lúc tỉnh cùng rộn rã,
Khi say lại lìa xa.
Mãi giữ tình phảng phất,
Hẹn gặp chốn thiên hà.

Bài thơ Nguyệt hạ độc chước của Lý Bạch là một trong những thi phẩm nổi tiếng nhất của Tửu Tiên về nỗi cô độc, niềm hoan lạc và khát vọng giao hòa giữa con người với vũ trụ.

Lý Bạch ngồi bên một dòng suối cạn trong đêm rằm cuối xuân. Vầng trăng không nằm trong không gian của ông, mà hiện diện ở thế giới bên ngoài bức tranh nơi người xem đứng. Ánh trăng từ "thế giới này" chiếu vào "thế giới kia", soi sáng vạn vật. Trong bố cục ấy, người xem không còn là kẻ đứng ngoài chiêm ngưỡng, mà trở thành một phần của cảnh giới thi ca.

Lý Bạch giơ chiếc ly đồng (爵), nhưng còn một chiếc ly thứ hai giống hệt đặt bên lề tranh. Đó là chén rượu thuộc về người xem. Khi thi nhân rót rượu mời trăng, cũng là lúc tác phẩm mời gọi ta cùng nâng chén, cùng bước vào cuộc hội ngộ vượt nghìn năm giữa con người, ánh sáng và thi ca.





將進酒

李白



Kích thước tranh: 89 x 137 cm

Thöông tien töu

Ly Bach

Phiên âm:

Quân bất kiến:
Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai,
Bôn lưu đáo hải bất phục hồi!
Hựu bất kiến:
Cao đường minh kính bi bạch phát,
Triêu như thanh ty, mộ thành tuyết.
Nhân sinh đắc ý tu tận hoan,
Mạc sử kim tôn không đối nguyệt!
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,
Thiên kim tán tận hoàn phục lai.
Phanh dương tể ngưu thả vi lạc,
Hội tu nhất ẩm tam bách bôi...

Dịch thơ:

Anh thấy chăng?
Hoàng Hà nước chảy từ thiên giới,
Xuôi dòng ra biển chẳng quay lui.
Có thấy chăng?
Mẹ cha soi gương buồn tóc bạc,
Sớm như tơ biếc, chiều như băng.
Đời khi đắc ý nên tận hưởng,
Đừng để ly vàng vợi bóng trăng.
Trời sinh ta giỏi ắt có việc,
Đãy vàng lẩn hết rồi lại căng.
Mổ trâu giết lợn vui đi đã,
Gặp ba trăm chén cạn mới hăng...

Thương tiến tửu là bài thơ tiêu biểu cho khí chất phóng khoáng và tinh thần tự do tuyệt đối của Lý Bạch – nhà thơ đời Đường được hậu thế tôn xưng là Thi tiên, Trích tiên, Thi hiệp và đặc biệt là Tửu tiên. Suốt cuộc đời lang bạt, Lý Bạch sống trọn trong ba niềm đam mê: uống rượu, làm thơ và ngao du bốn phương. Ngay cả khi giữ chức Hàn lâm học sĩ tại Trường An, ông vẫn không chịu gò mình vào khuôn phép triều đình, xem chốn miếu đường chỉ là một trạm dừng tiêu dao giữa cuộc rượu cùng bạn bè tri kỷ.

Bài thơ được Lý Bạch ngẫu hứng sáng tác trong một buổi uống rượu cùng hai người bạn là Sầm Huân và Nguyên Đan Khâu. Qua hình ảnh nâng ly giữa đất trời, bài thơ thể hiện trọn vẹn tinh thần hào sảng, cuồng phóng mà tỉnh táo: coi công danh như mây khói, lấy rượu và trăng làm tri âm, lấy khoảnh khắc hiện tại làm vĩnh cửu.

Trong bức tranh thư pháp này, hình tượng Lý Bạch được khắc họa đang nâng chén dưới ánh trăng rằm, gợi câu thơ nổi tiếng: "Mạc sử kim tôn không đối nguyệt" (Đừng để chén vàng trống vắng trước trăng). Người đối ẩm với ông không phải bạn thơ đương thời, mà là Dionysus, vị thần rượu nho của Hy Lạp. Cuộc hội ngộ tưởng tượng giữa Tửu tiên phương Đông và Tửu thần phương Tây tạo nên một không gian giao thoa giữa thi ca, thần thoại và tự do tinh thần.

Hai chữ "Tửu Tiên" được viết theo bút pháp của Triệu Mạnh Phủ, trong khi toàn văn bài thơ sử dụng thư pháp của Tống Tây An, góp phần hoàn chỉnh một tổng thể thị giác và tinh thần, tôn vinh men say như biểu tượng của sáng tạo, khoái lạc và sự giải phóng con người khỏi mọi ràng buộc thế tục.

Hanh trình nguyen töi cua con ngööi

Pham Thuc Tröông Löông

Trước khi có Trái Đất,
Trước khi trời biển mở ra.
Chỉ có lửa nóng,
Vũ trụ sơ sinh giãn nở bao la.

Trong hơi thở đầu tiên của vật chất,
Nguyên tử hydro chào đời.
Nốt nhạc đơn giản nhất,
Hạt mầm cho vạn vật muôn nơi.

Ở trái tim của những ngôi sao cổ,
Carbon hình thành,
Oxy rực cháy,
Canxi tôi luyện trong lửa xanh.

Khi sao kia tắt,
Nhiên liệu không còn.
Siêu tân tinh bùng nổ,
Rải tro bụi - nguyên tử người - vào không gian

Bốn tỉ rưỡi năm trôi,
Chúng tụ thành mây bụi.
Rồi đám mây hóa mặt trời,
Và những hành tinh trần trụi.

Trái đất khoác lên mình đại dương,
Cái nôi đâm chồi sự sống.
Nguyên tử từ địa cầu, sao băng, sao chổi,
Thành tế bào, sinh vật, giống loài.

Nguyên tử từ thủa hồng hoang phiêu bạt,
Qua núi, qua sông, qua biển, qua rừng,
Qua cá sơ khai, qua kỷ khủng long,
Qua hồng thuỷ, qua băng hà, trôi dạt.

Qua tiến hoá của tổ tiên mở nhạt,
Qua kẻ vô danh, qua những anh hùng,
Qua mẹ cha và qua cả không trung,
Qua hoa trái và qua từng muông thú.

Rồi một ngày chúng ngẫu nhiên hội tụ,
Thành thân tâm ta giữa vô thường.
Chúng nhảy múa khi ta suy nghĩ,
Chúng rung động khi ta yêu thương.

Quay cuồng theo từng hơi thở,
Rộn rã theo mỗi nhịp tim.
Những nguyên tử mang điện tích im lìm,
Hoá giác quan có tư duy, cảm xúc.

Chúng kết nối rồi rời đi liên tục,
Suốt những năm tháng của đời người.
Chúng mang theo muôn vàn ký ức,
Không chỉ riêng của một cuộc đời,
Mà của toàn vũ trụ,
Giấc mơ vĩnh cửu đã tạo nên "tôi".

Và khi hình hài này tan rã,
Những nguyên tử cũng chẳng hề buồn.
Chúng lại tản đi một lần nữa,
Hóa thành cây, thành đất, thành nước chảy, mây tuôn.
Nguyên tử là nốt nhạc bất tử.
Còn ta, khúc ca ngắn ngủi, tuyệt diệu từng ngân lên!

Bức tranh đặt Trái Đất – ngôi nhà chung của loài người – vào không gian xa lạ, đơn độc giữa vũ trụ, đối diện với một tinh vân rực rỡ hình thành sau vụ nổ siêu tân tinh. Trái Đất không chỉ quan sát như một khán giả mà còn tương tác với vũ trụ, khi sao chổi và thiên thạch – biểu tượng cho sự sống và hủy diệt – đang tiến lại gần.

Giữa không gian kỳ vĩ, một hình nhân ánh sáng vươn lên từ bầu khí quyển, như sự phóng chiếu của nhân loại. Trên cơ thể xuyên thấu là dấu ấn của lịch sử tiến hóa, thành tựu khoa học, khát vọng và tham vọng có trong bản chất con người: từ sự phát triển của sự sống, DNA, neuron thần kinh, các dấu mốc công nghệ, những vĩ nhân như Einstein, Galileo, Thành Cát Tư Hãn, Đức Phật, đến việc kiểm soát năng lượng – vừa là sức mạnh vô song vừa hàm chứa sự diệt vong – như bom hạt nhân và cháy rừng.

Cơ thể con người trong tranh cũng dung chứa đủ ngũ hành theo triết học phương Đông – Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ – như biểu tượng cho cấu trúc sâu xa của nhân sinh. Nhưng tất cả vẫn nằm trong quy luật vô thường, được nhấn mạnh bằng hình ảnh lỗ đen Messier 87 hút cả ánh sáng lẫn câu thơ vào nó.

Cuối cùng, dãy các nguyên tố hóa học tạo nên con người được sắp xếp phía dưới tranh đặt ra câu hỏi lớn: khi thấy bản thân dưới góc nhìn thuần vật chất nguyên tử, chúng ta sẽ suy nghĩ thế nào về sự tồn tại, bản chất và ý nghĩa của chính mình?

Lôi keit

Con số 64 bức tranh của cuốn sách này bằng với số 64 quẻ của Kinh Dịch — tượng trưng cho mọi trạng thái của trời đất và nhân sinh. Nhưng ngay cả khi "càn khôn" đã gồm đủ, vẫn còn thiếu một điều: ý thức của chúng ta – chủ thể của hôm nay, về nguồn gốc, hành trình và số phận của mình.

Vì vậy, bức tranh này được đặt ngoài vòng số 64, như một thực thể "ngoại hệ". Nó không thuộc về văn học cổ điển, mà là cây cầu nối giữa lịch sử và đương đại; là hòa âm giữa tiếng vọng của người xưa và tiếng nói của người đang sống.

Ở đây, nhân loại không chỉ hiện diện như một nhân vật trong vũ trụ, mà còn là một dòng chảy trí tuệ luôn tự nhận thức, soi chiếu con đường của mình và bồi đắp góc nhìn mang tính khoa học, triết học và nhân văn. Trong kỷ nguyên AI, yếu tố nhân văn sẽ giữ cho trí tuệ ấy khác biệt, giúp nó vượt lên sức mạnh tính toán của máy móc và công nghệ.

Nếu coi 64 bức tranh là toàn thể càn khôn, thì bức cuối là chúng ta đang chiêm ngưỡng vũ trụ và chiêm nghiệm chính mình.



Kích thước tranh: 100 x 160 cm



"Ý tưởng xuất bản cuốn sách này bắt đầu từ sự tĩnh tại. Tĩnh tại giữa dòng chảy gấp gáp của dữ liệu và thuật toán, nơi trí tuệ nhân tạo đã thừa năng lực mô phỏng và tạo sinh – từ âm nhạc, phim ảnh, tiểu thuyết, hội họa, cho tới thơ ca. Trong nhịp gấp gáp ấy, con người vẫn luôn cần một khoảng lặng tĩnh tại.

64 bức thi hoạ trong cuốn sách được sinh ra từ khoảng lặng ấy.

...

Nhiều bài thơ được tuyển chọn trong cuốn sách này đã đi qua cả nghìn năm lịch sử. Chúng từng được viết dưới ánh đèn nến leo lét, bên bến sông, trong thanh lâu, giữa chiến địa, hay trong tĩnh mịch sơn lâm. Những áng thi ca tuyệt phẩm ấy không cần phải 'làm mới', chúng chỉ cần một không gian mới để tiếp tục hiện diện và lan tỏa – không gian của kỷ nguyên số."

Hoàng Tô
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tinhvan Group

